CỤM CÔNG NGHIỆP BÃI BA

NƠI TRAO TRỌN NIỀM TIN

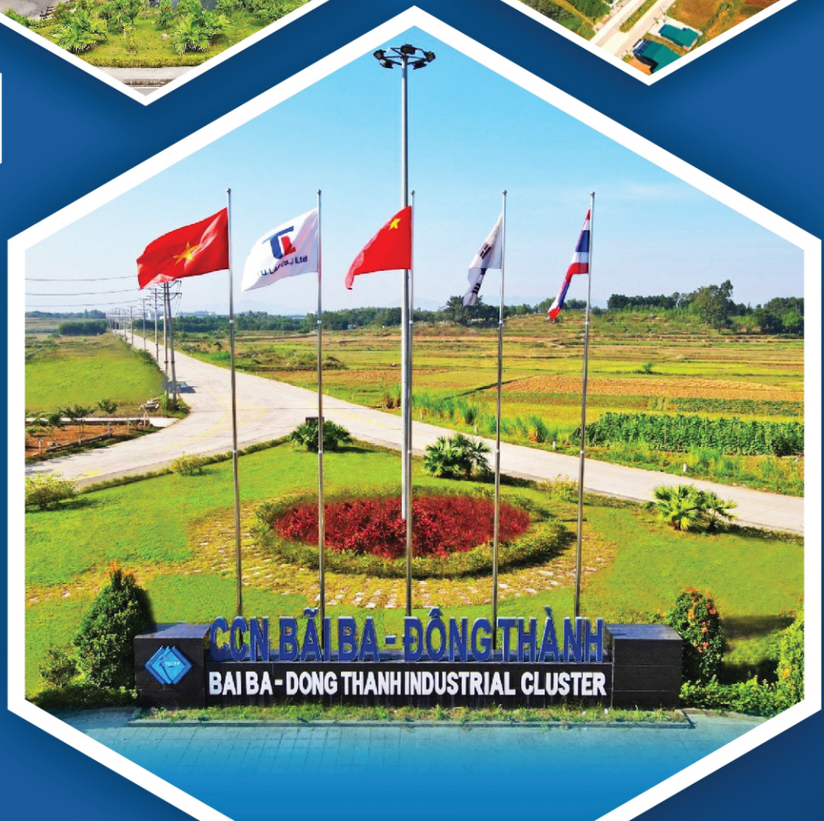

THÔNG TIN CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỰ LẬP

Địa chỉ: *Số 3010 Đại lộ Hùng Vương, phường Vân Phú, TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ*

Điện thoại: *(0210) 3854 888* ***Fax:*** *(0210)3781 999*

Email: *Congtytulapphutho@gmail.com* ***Website:*** *www.tulap.com.vn*

GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ TỈNH PHÚ THỌ

*Phú Thọ là tỉnh nằm ở cửa ngõ phía tây thủ đô Hà Nội (cách thủ đô Hà Nội **80 Km**); cách sân bay quốc tế Nội Bài **45 Km**; Là trung tâm của vùng miền núi phía bắc Việt Nam, có vị trí đặc biệt quan trọng, là vùng chuyển tiếp giữa thủ đô Hà Nội và các tỉnh miền núi phía Bắc nằm trên dọc hành lang kinh tế (Quảng Ninh – Hải Phòng – Hà Nội – Phú Thọ - Lào Cai), cách của khẩu quốc tế Lào Cai **180 Km**, thông quan với Trung Quốc. Với vị trí thuận lợi về giao thông đồng bộ đường sắt, đường bộ, đường thủy và cảng ICD thuận lợi cho việc vận chuyển và xuất nhập hàng hóa.*

- *Diện tích: **3.534,56 Km²***
- *Dân số: **1.507.500** người*
- *Lực lượng lao động: **858.700** người*
- *Tỉ lệ lao động qua đào tạo: **70%***
- *Đơn vị hành chính: 1 thành phố, 1 thị xã và 11 huyện.*
- *GDP bình quân đầu người: **63,2** triệu (2528 USD) (2023)*
- *Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) năm 2022: **66,30** xếp 24/63*
- *Giáo dục: Cơ sở giáo dục chuyên nghiệp: 33 cơ sở, trong đó 2 trường đại học, 9 cao đẳng, 5 trung cấp và 18 trung tâm giáo dục.*

THÔNG TIN VỀ CỤM CÔNG NGHIỆP BÃI BA

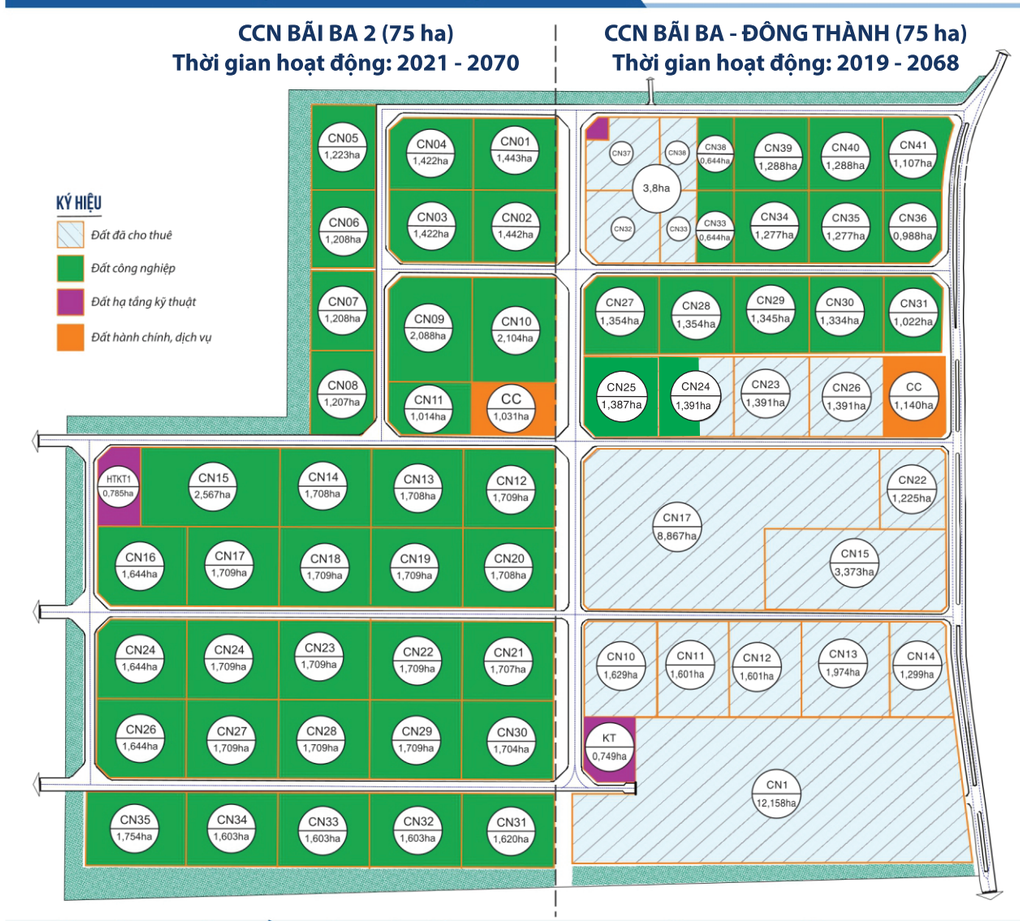

CÁC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ CHỦ YẾU TRONG CỤM CÔNG NGHIỆP

+ Nhóm các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, bao gồm: Sản xuất, chế biến thực phẩm; Sản xuất đồ uống; Dệt (trừ các sản phẩm tẩy, nhuộm); Sản xuất trang phục; Sản xuất sản phẩm từ các loại da thành phẩm; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa; In sao bản ghi các loại; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác; Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn; Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; Sản xuất thiết bị điện; Sản xuất máy móc, thiết bị; Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ôtô, xe máy và xe có động cơ khác.

+ Nhóm các ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoá không khí.

+ Nhóm ngành: Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì cao cấp và đúc sắt, thép, kim loại màu.

+ Các ngành công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp công nghệ cao; Công nghiệp chế biến, chế tạo khác thân thiện với môi trường.

Phương thức cho thuê:

- *Cho thuê đất đã có hạ tầng cơ sở*
- *Cho thuê nhà xưởng*

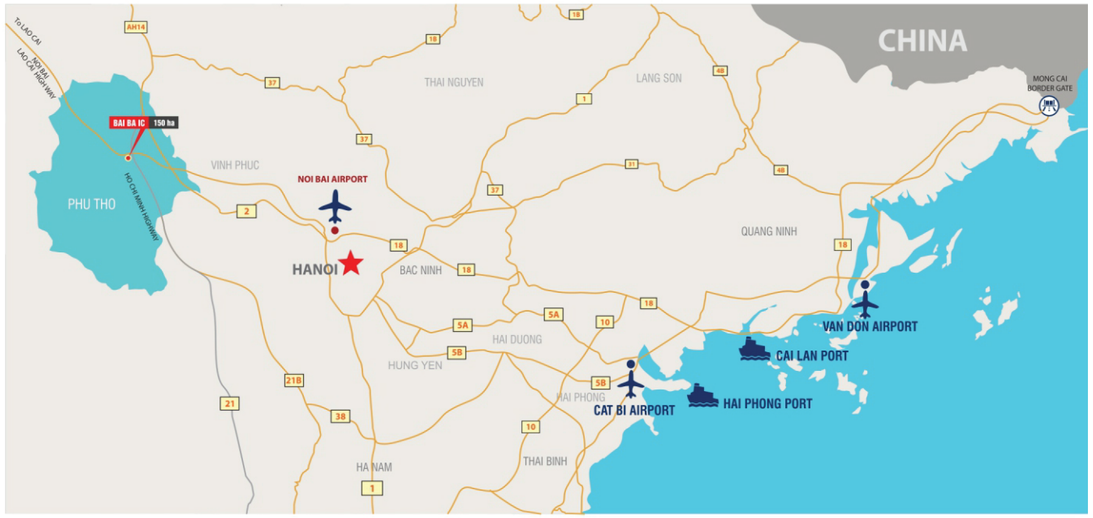

Liên kết vùng:

- *Cách ga Phú Thọ:* ***9 Km***
- *Cách Sông Hồng* ***2,5 Km***
- *Cách nútgiao cao tốc IC9 Nội Bài – Lào Cai* ***8 Km***
- *Cách sân bay Nội Bài* ***81Km***
- *Cách Thành phố Hà Nội* ***105 Km***
- *Cách cảng Hải Phòng* ***226 Km***
- *Cách cửa khẩu quốc tế Lào Cai* ***195 Km***.

ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

Miễn 1 năm tiền phí dịch vụ công nghiệp và bảo dưỡng hạ tầng

Thuế thu nhập doanh nghiệp

+ ***Mức thuế suất:*** *Thuế suất thu nhập doanh nghiệp là* ***17%*** *trong* ***10 năm****.*

+ ***Ưu đãi về thuế suất:***

Miễn thuế ***2 năm*** *đầu*

Giảm ***50%*** *số thuế phải nộp trong* ***4 năm*** *tiếp theo.*

Thuế nhập khẩu máy móc thiết bị

(Chỉ áp dụng đối với DN công nghệ cao, ngành nghề ưu đãi đầu tư theo Nghị định 87/2010/ND-CP)

(1) - Miễn thuế nhập khẩu hàng hóa để tạo tài sản cố định.

(2) - Miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu.

(3) - Miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu sản xuất trong 05 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất, nếu doanh nghiệp đầu tư vào dự án thuộc danh mục dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư.

Miễn hoàn toàn thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Được miễn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu.

HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Hỗ trợ thủ tục trước và sau cấp phép đầu tư

Nhà đầu tư được hỗ trợ hướng dẫn miễn phí từ Tự Lập các thủ tục xin cấp phép đầu tư và các thủ tục sau cấp phép đầu tư với thời gian nhanh chóng.

CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Giao thông nội bộ và điện chiếu sáng	*Hệ thống giao thông được thiết kế hợp lý đảm bảo phương tiện đến từng lô đất một cách dễ dàng và thuận lợi.* *Đường khu trung tâm rộng: 20 m, đường nhánh rộng 9 m và vỉa hè 3 m* *Hệ thống điện chiếu sáng được lắp đặt dọc theo các tuyến đường.*
Cấp điện	*Mạng lưới điện được cung cấp dọc theo các đường giao thông nội bộ trong CCN, thuận lợi cho nhà đầu tư đấu nối điện.* *Nguồn điện được lấy từ lộ đường dây 35 KV - cột 88/372E4.9.* *Chủ đầu tư sẽ tiếp tục đầu tư xây dựng một trạm biến áp 110 KV (đã được tích hợp vào quy hoạch của Công ty CP điện lực Miền Bắc) và hệ thống lưới điện 22 KV.*
Cấp nước	*Nguồn nước sạch được cung cấp từ Công ty CP cấp nước Phú Thọ, với công suất cấp 30.000 m^3/ngày. Hệ thống cấp nước được dẫn đến tận chân hàng rào các lô đất. Đường kính ống nước cấp từ D 110 – D 400 mm.*
Thoát nước	*Hệ thống thoát nước mưa và nước thải được xây riêng biệt. Đường kính cống ngầm thoát nước mưa là B 800- B 2000.*
Xử lý nước thải	*Toàn bộ nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt phải được các nhà máy xử lý đạt tiêu chuẩn tối thiểu mức B (QCVN 40:2011/BTNMT) trước khi xả ra hệ thống thoát nước thải chung CCN. Đường kính ống thoát nước thải là D 300-D 600 mm Trạm xử lý nước thải được xây dựng với tổng công suất xử lý đạt: 1.500 m^3/ngày - đêm.*
Phòng cháy chữa cháy	*Hệ thống cấp nước và các họng cứu hỏa được bố trí dọc theo tuyến đường.*
Viễn thông /Internet	*Hệ thống thông tin hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng đầy đủ các dịch vụ thông tin liên lạc trong và ngoài nước.*
Môi trường và cây xanh	*Diện tích cây xanh chiếm hơn 10,1% diện tích đất*

HIỆN TRẠNG NGUỒN NHÂN LỰC XUNG QUANH CỤM CN

STT	TÊN ĐƠN VỊ (Xã)	Số người trong độ tuổi lao động (15-55)			Dân số theo độ tuổi lao động (20-44)	Khoảng cách từ các xã trong bán kính 15 Km tới Cụm CN Bãi Ba (Km)
		Nam	Nữ	Tổng		
I	**Huyện Thanh Ba**					
1	Thị trấn Thanh Ba	4.009	3.954	7.963	7.332	13
2	Chí Tiên	2.432	2.775	5.207	5.064	2
3	Đại An	3.578	3.488	7.066	6.739	14
4	Đỗ Sơn	3.924	3.488	7.412	7.099	6
5	Đỗ Xuyên	3.968	3.623	7.591	7.018	7
6	Đông Lĩnh	3.451	3.334	6.785	6.152	14
7	Đông Thành	3.056	2.789	5.845	4.887	1
8	Đồng Xuân	3.047	2.878	5.925	4.610	13
9	Khải Xuân	3.461	3.180	6.641	5.086	5
10	Hanh Cù	4.113	3.949	8.062	7.162	13
11	Hoàng Cương	3.742	3.107	6.849	5.555	8
12	Quảng Yên	2.879	3.602	6.481	5.845	15
13	Lương Lỗ	4.634	4.136	8.770	8.005	7
14	Ninh Dân	3.202	2.956	6.158	5.095	4
15	Sơn Cương	2.958	2.802	5.760	4.500	1
16	Mạn Lạn	2.957	2.644	5.601	5.225	12
17	Thanh Hà	3.037	3.941	6.978	6.345	3
18	Vân Lĩnh	2.984	2.797	5.781	4.916	14
19	Võ Lao	2.918	2.749	5.667	5.439	5
II	**Huyện Cẩm Khê**					
1	Sơn Tình	3.210	3.386	6.596	6.156	10
2	Thị trấn Cẩm Khê	5.650	5.678	11.328	9.533	8
3	Tuy Lộc	3.110	3.026	6.136	5.080	15
4	Văn Khúc	3.410	3.083	6.493	6.054	12
5	Yên Tập	3.970	3.862	7.832	7.282	8
6	Tạ Xá	3.501	3.545	7.046	6.755	10
7	Minh Tân	3.598	3.685	7.283	6.843	13
III	**Thị xã Phú Thọ**					
1	Văn Lung	3.901	3.927	7.828	7.276	6
2	Phú Hộ	3.935	3.911	7.846	7.217	8
3	Hà Thạch	3.600	3.741	7.341	6.882	12
4	Thanh Minh	4.850	4.020	8.870	8.312	7
5	Hà Lộc	4.990	3.860	8.850	8.156	10
IV	**Huyện Lâm Thao**					
1	Xuân Huy	3.960	3.162	7.122	6.810	13
2	Xuân Lũng	3.201	3.345	6.546	5.701	15
3	Tiên Kiên	3.698	3.485	7.183	6.722	15
Cộng		**122.934**	**117.908**	**240.842**	**216.853**	

THỜI GIAN THỰC HIỆN THỦ TỤC VÀ THANH TOÁN TIỀN THUÊ ĐẤT

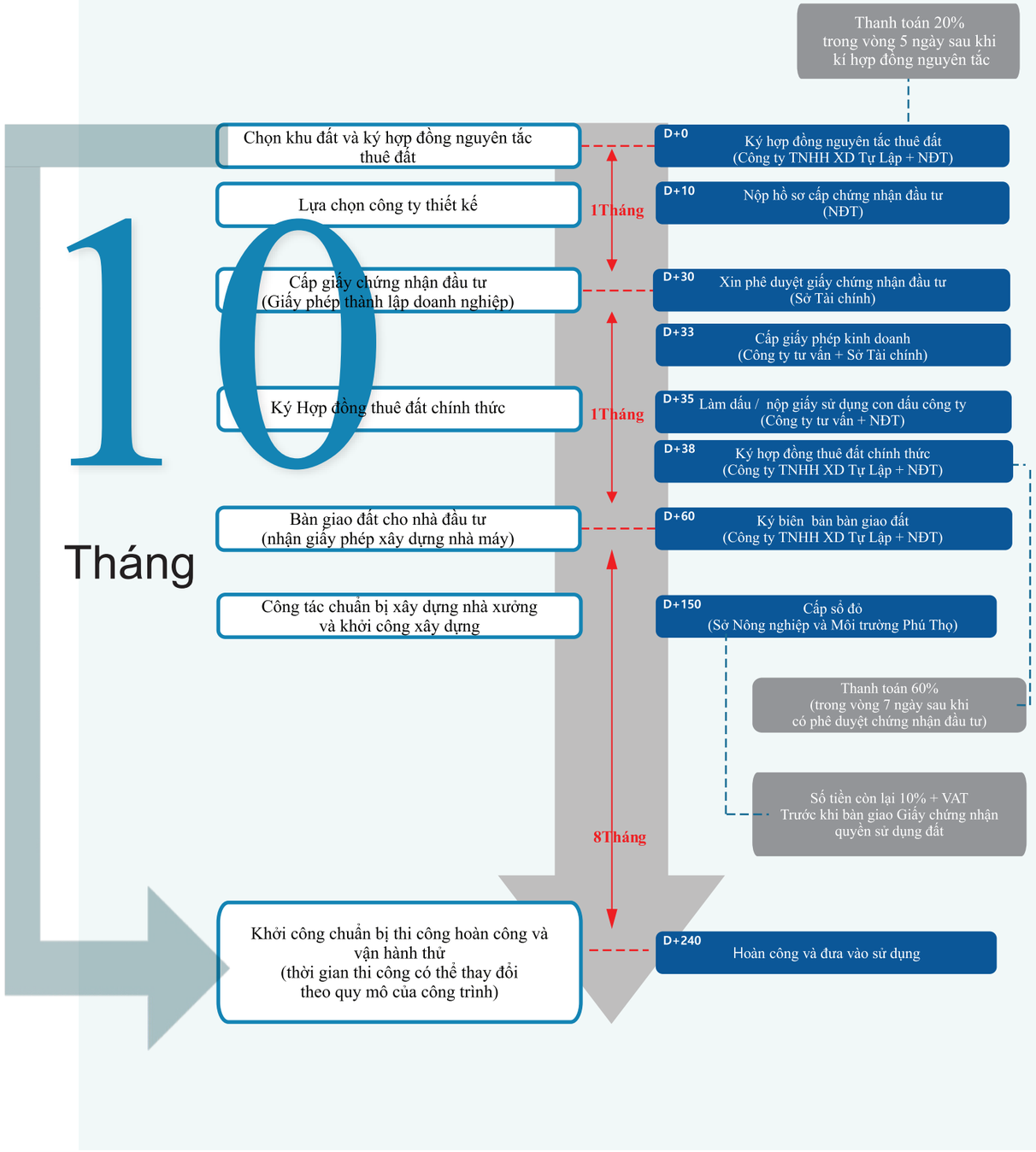

HỒ SƠ PHÁP LÝ CỤM CN BÃI BA - ĐÔNG THÀNH

TT	Tên hồ sơ	Cơ quan ban hành	Ghi chú
I	**Giấy tờ pháp lý thành lập và ngành nghề thu hút**		
1	Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 30/6/2016	UBND tỉnh Phú Thọ	V/v thành lập Cụm CN Bãi Ba – Đông Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
2	Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 26/9/2018	UBND tỉnh Phú Thọ	Quyết định chủ trương đầu tư Cụm CN Bãi Ba – Đông Thành cho Chủ đầu tư
3	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Số 0706527434 ngày 28/9/2018	Sở Kế hoạch	Giấy chứng nhận nhà đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập
4	Quyết định số 2223/QĐ-UBND ngày 06/9/2019	UBND tỉnh Phú Thọ	V/v mở rộng Cụm CN Bãi Ba – Đông Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
5	Quyết định số 3717/QĐ-UBND ngày 11/12/2019	UNND huyện Thanh Ba	V/v phê duyệt điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500, Cụm CN Bãi Ba -–Đông Thành
6	Quyết định số 3075/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	UBND tỉnh Phú Thọ	V/v điều chỉnh Quyết định số 2223/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc mở rộng Cụm CN Bãi Ba - Đông Thành
7	Quyết định số 3325/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	UBND tỉnh Phú Thọ	V/v bổ sung ngành nghề định hướng thu hút đầu tư vào Cụm CN Bãi Ba – Đông Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
II	**Môi trường**		
1	Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 15/3/2019	UBND tỉnh Phú Thọ	V/v phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm CN BB - ĐT
2	GPMT số 14/GPMT-UBND ngày 05/02/2024	UBND tỉnh Phú Thọ	Giấy phép môi trường của Cụm CN Bãi Ba – Đông Thành
3	Công văn số 3216/TNMT-CCMT ngày 26/11/2024	Sở Tài nguyên và Môi trường	V/v xác nhận kết nối, truyền số liệu trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục của Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập tại CCN BB - ĐT
III	**Nghiệm thu hoàn thành**		
1	Công văn số 43/NT-PCCC&CNCH ngày 07/8/2023	CA tỉnh Phú Thọ	V/v chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC
2	Công văn số 1812/SXD-GĐ ngày 20/10/2023	Sở Xây dựng	V/v chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành một số hạng mục công trình thuộc dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm CN Bãi Ba -–Đông Thành

VĂN BẢN PHÁP LÝ THÀNH LẬP VÀ NGÀNH NGHỀ THU HÚT

QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP CỤM CN BÃI BA - ĐÔNG THÀNH

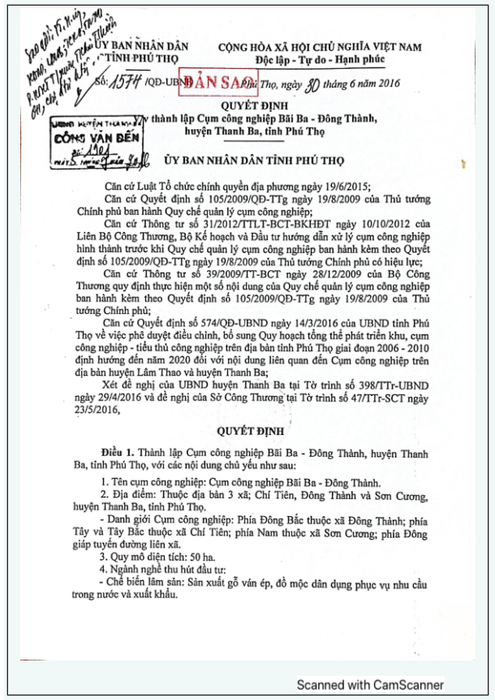

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

Số: 1574 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 30 tháng 6 năm 2016

ĐÂN SAO

QUYẾT ĐỊNH

V/v thành lập Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 31/2012/TTLT-BCT-BKHĐT ngày 10/10/2012 của Liên Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xử lý cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực;

Căn cứ Thông tư số 39/2009/TT-BCT ngày 28/12/2009 của Bộ Công Thương quy định thực hiện một số nội dung của Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển khu, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2006 - 2010 định hướng đến năm 2020 đối với nội dung liên quan đến Cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Lâm Thao và huyện Thanh Ba;

Xét đề nghị của UBND huyện Thanh Ba tại Tờ trình số 398/TTr-UBND ngày 29/4/2016 và đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 47/TTr-SCT ngày 23/5/2016,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành.
2. Địa điểm: Thuộc địa bàn 3 xã; Chí Tiên, Đông Thành và Sơn Cương, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.
- Danh giới Cụm công nghiệp: Phía Đông Bắc thuộc xã Đông Thành; phía Tây và Tây Bắc thuộc xã Chí Tiên; phía Nam thuộc xã Sơn Cương; phía Đông giáp tuyến đường liên xã.
3. Quy mô diện tích: 50 ha.
4. Ngành nghề thu hút đầu tư:
- Chế biến lâm sản: Sản xuất gỗ ván ép, đồ mộc dân dụng phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Scanned with CamScanner

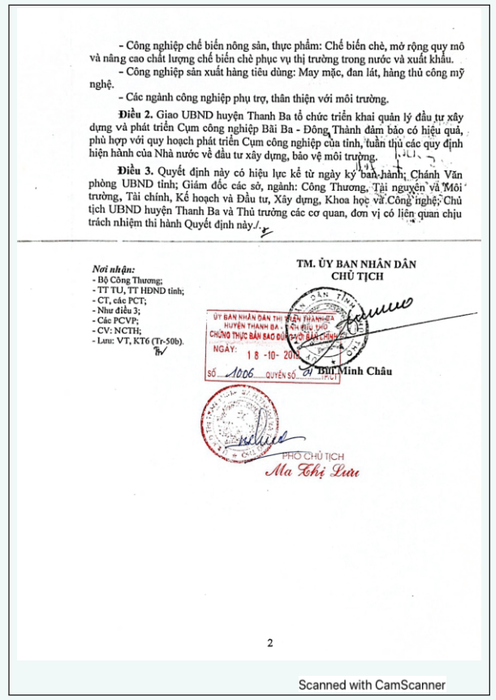

- Công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm: Chế biến chè, mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng chế biến chè phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu.
- Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng: May mặc, đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ.
- Các ngành công nghiệp phụ trợ, thân thiện với môi trường.

Điều 2. Giao UBND huyện Thanh Ba tổ chức triển khai quản lý đầu tư xây dựng và phát triển Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành đảm bảo có hiệu quả, phù hợp với quy hoạch phát triển Cụm công nghiệp của tỉnh, tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước về đầu tư xây dựng, bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành; Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND huyện Thanh Ba và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Công Thương;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT;
- Như điều 3;
- Các PCVP;
- CV: NCTH;
- Lưu: VT, KT6 (Tr-50b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Bùi Minh Châu

2

Scanned with CamScanner

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ CỤM CN BÃI BA - ĐÔNG THÀNH

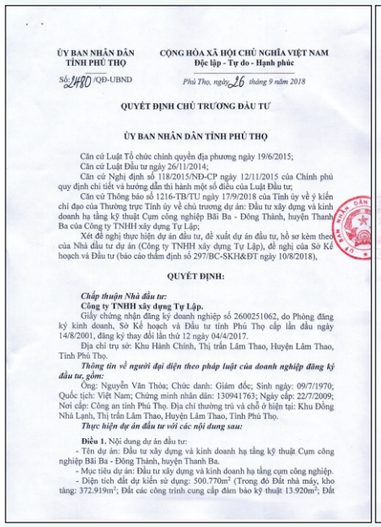

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

Số: 2480 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 26 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông báo số 1216-TB/TU ngày 17/9/2018 của Tỉnh ủy về ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy về chủ trương dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba của Công ty TNHH xây dựng Tự Lập;

Xét đề nghị thực hiện dự án đầu tư, đề xuất dự án đầu tư, hồ sơ kèm theo của Nhà đầu tư dự án (Công ty TNHH xây dựng Tự Lập), đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư (báo cáo thẩm định số 297/BC-SKH&ĐT ngày 10/8/2018),

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận Nhà đầu tư:
Công ty TNHH xây dựng Tự Lập.
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600251062, do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 14/8/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 04/4/2017.
Địa chỉ trụ sở: Khu Hành Chính, Thị trấn Lâm Thao, Huyện Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ.
Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đăng ký đầu tư, gồm:
Ông: Nguyễn Văn Thòa; Chức danh: Giám đốc; Sinh ngày: 09/7/1970; Quốc tịch: Việt Nam; Chứng minh nhân dân: 130941763; Ngày cấp: 22/7/2009; Nơi cấp: Công an tỉnh Phú Thọ. Địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện tại: Khu Đồng Nhà Lanh, Thị trấn Lâm Thao, Huyện Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ.
Thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau:
Điều 1. Nội dung dự án đầu tư:
- Tên dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba.
- Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp.
- Diện tích đất dự kiến sử dụng: 500.770m² (Trong đó Đất nhà máy, kho tàng: 372.919m²; Đất các công trình cung cấp đảm bảo kỹ thuật 13.920m²; Đất

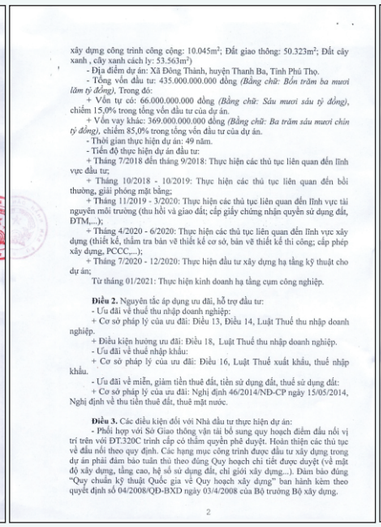

xây dựng công trình công cộng: 10.045m²; Đất giao thông: 50.323m²; Đất cây xanh , cây xanh cách ly: 53.563m²)
- Địa điểm dự án: Xã Đông Thành, huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ.
- Tổng vốn đầu tư: 435.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi lăm tỷ đồng)*, Trong đó:
+ Vốn tự có: 66.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Sáu mươi sáu tỷ đồng)*, chiếm 15,0% trong tổng vốn đầu tư của dự án.
+ Vốn vay khác: 369.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi chín tỷ đồng)*, chiếm 85,0% trong tổng vốn đầu tư của dự án.
- Thời gian thực hiện dự án: 49 năm.
- Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:
+ Tháng 7/2018 đến tháng 9/2018: Thực hiện các thủ tục liên quan đến lĩnh vực đầu tư;
+ Tháng 10/2018 - 10/2019: Thực hiện các thủ tục liên quan đến bồi thường, giải phóng mặt bằng;
+ Tháng 11/2019 - 3/2020: Thực hiện các thủ tục liên quan đến lĩnh vực tài nguyên môi trường (thu hồi và giao đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ĐTM,...);
+ Tháng 4/2020 - 6/2020: Thực hiện các thủ tục liên quan đến lĩnh vực xây dựng (thiết kế, thẩm tra bản vẽ thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế thi công; cấp phép xây dựng, PCCC,...);
+ Tháng 7/2020 - 12/2020: Thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cho dự án;
Từ tháng 01/2021: Thực hiện kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:
- Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:
+ Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Điều 13, Điều 14, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
+ Điều kiện hưởng ưu đãi: Điều 18, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Ưu đãi về thuế nhập khẩu:
+ Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Điều 16, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.
- Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất:
+ Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014, Nghị định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Điều 3. Các điều kiện đối với Nhà đầu tư thực hiện dự án:
- Phải hợp với Sở Giao thông vận tải bổ sung quy hoạch điểm đấu nối vị trí trên với ĐT.320C trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hoàn thiện các thủ tục về đấu nối theo quy định. Các hạng mục công trình được đầu tư xây dựng trong dự án phải đảm bảo tuân thủ theo đúng Quy hoạch chi tiết được duyệt (về mật độ xây dựng, tầng cao, hệ số sử dụng đất, chỉ giới xây dựng,...). Đảm bảo đúng "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng" ban hành kèm theo quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ trưởng Bộ xây dựng.

2

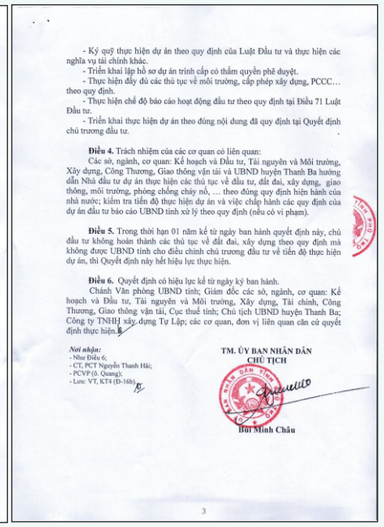

- Kỳ quỹ thực hiện dự án theo quy định của Luật Đầu tư và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác.
- Triển khai lập hồ sơ dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Thực hiện đầy đủ các thủ tục về môi trường, cấp phép xây dựng, PCCC... theo quy định.
- Thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư.
- Triển khai thực hiện dự án theo đúng nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan:
Các sở, ngành, cơ quan: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Giao thông vận tải và UBND huyện Thanh Ba hướng dẫn Nhà đầu tư dự án thực hiện các thủ tục về đầu tư, đất đai, xây dựng, giao thông, môi trường, phòng cháy nổ, ... theo đúng quy định hiện hành của nhà nước; kiểm tra tiến độ thực hiện dự án và việc chấp hành các quy định của dự án đầu tư báo cáo UBND tỉnh xử lý theo quy định (nếu có vi phạm).

Điều 5. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày ban hành quyết định này, chủ đầu tư không hoàn thành các thủ tục về đất đai, xây dựng theo quy định mà không được UBND tỉnh cho điều chỉnh chủ trương đầu tư về tiến độ thực hiện dự án, thì Quyết định này hết hiệu lực thực hiện.

Điều 6. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.
Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành, cơ quan: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Công Thương, Giao thông vận tải, Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thanh Ba; Công ty TNHH xây dựng Tự Lập; các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- CT, PCT Nguyễn Thanh Hải;
- PCVP (L. Quang);
- Lưu: VT, KT4 (D-16b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Bùi Minh Châu

3

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Số: 0706527434 – Ngày cấp: 28/9/2018

UBND TỈNH PHÚ THỌ
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 91/2018/CNDKDT

CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ
Mã số dự án: 0706527434
Chứng nhận lần đầu: ngày 28 tháng 9 năm 2018

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;
Căn cứ Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 07/03/2016; Quyết định số 45/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Phú Thọ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Kế hoạch và Đầu tư;
Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 2480/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ;
Xét văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo của Công ty TNHH xây dựng Tự Lập.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ

Chứng nhận nhà đầu tư:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG TỰ LẬP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600251062, do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 14/8/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 04/4/2017.

Địa chỉ trụ sở: Khu Hành Chính, Thị trấn Lâm Thao, Huyện Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ.

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Ông: Nguyễn Văn Thỏa; Chức danh: Giám đốc; Sinh ngày: 09/7/1970; Quốc tịch: Việt Nam; Chứng minh nhân dân: 130941763; Ngày cấp: 22/7/2009; Nơi cấp: Công an tỉnh Phú Thọ. Địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện tại: Khu Đồng Nhà Lạnh, Thị trấn Lâm Thao, Huyện Lâm Thao, Tỉnh Phú Thọ.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư.

1. Tên dự án:

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỤM CÔNG NGHIỆP BÃI BA - ĐÔNG THÀNH, HUYỆN THANH BA

2. Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp.

3. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Đông Thành, huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ.

4. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 500.770m^2 (Trong đó Đất nhà máy, kho tàng: 372.919m^2; Đất các công trình cung cấp điện bảo kỹ thuật 13.920m^2; Đất xây dựng công trình công cộng: 10.045m^2; Đất giao thông: 50.323m^2; Đất cây xanh , cây xanh cách ly: 53.563m^2).

5. Tổng vốn đầu tư: 435.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi lăm tỷ đồng)*, Trong đó:

+ Vốn tự có: 66.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Sáu mươi sáu tỷ đồng)*, chiếm 15,0% trong tổng vốn đầu tư của dự án.

+ Vốn vay khác: 369.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi chín tỷ đồng)*, chiếm 85,0% trong tổng vốn đầu tư của dự án.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 49 năm.

7. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

+ Tháng 7/2018 đến tháng 9/2018: Thực hiện các thủ tục liên quan đến lĩnh vực đầu tư;

+ Tháng 10/2018 - 10/2019: Thực hiện các thủ tục liên quan đến bồi thường, giải phóng mặt bằng;

+ Tháng 11/2019 - 3/2020: Thực hiện các thủ tục liên quan đến lĩnh vực tài nguyên môi trường (thu hồi và giao đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ĐTM,...);

+ Tháng 4/2020 - 6/2020: Thực hiện các thủ tục liên quan đến lĩnh vực xây dựng (thiết kế, thẩm tra bản vẽ thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế thi công; cấp phép xây dựng, PCCC,...);

+ Tháng 7/2020 - 12/2020: Thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật dự án;

Từ tháng 01/2021: Thực hiện kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp.

8. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

- Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

+ Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Điều 13, Điều 14, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ Điều kiện hưởng ưu đãi: Điều 18, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

+ Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Điều 16, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

- Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất:

+ Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014, Nghị định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Điều 2. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án.

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải bổ sung quy hoạch điểm đấu nối vị trí trên với ĐT.320C trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hoàn thiện các thủ tục về đấu nối theo quy định. Các hạng mục công trình được đầu tư xây dựng trong dự án phải đảm bảo tuân thủ theo đúng Quy hoạch chi tiết được duyệt (về mật độ xây dựng, tầng cao, hệ số sử dụng đất, chỉ giới xây dựng...). Đảm bảo đúng "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng" ban hành kèm theo quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ trưởng Bộ xây dựng; Triển khai lập hồ sơ dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; Thực hiện đầy đủ các thủ tục về môi trường, cấp phép xây dựng, PCCC… theo quy định; Triển khai thực hiện dự án theo Quyết định chủ trương đầu tư.

- Đăng ký, kê khai và nộp các loại thuế và các nghĩa vụ tài chính khác cho Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành. Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Thực hiện báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư.

Điều 3. Hiệu lực của Chứng nhận đăng ký đầu tư:

- Chứng nhận đăng ký đầu tư không còn hiệu lực và cơ quan Đăng ký đầu tư sẽ chấm dứt hoạt động và thu hồi Chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại Điều 48 của Luật Đầu tư nếu: Sau 12 tháng mà nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đã cam kết.

- Trường hợp giãn tiến độ đầu tư: Nhà đầu tư phải đề xuất bằng văn bản cho cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định tại Điều 46 của Luật Đầu tư. Tổng thời gian giãn tiến độ đầu tư không quá 24 tháng.

- Chứng nhận đăng ký đầu tư có hiệu lực từ ngày ký và được phát hành 02 bản gốc (Nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Cơ quan đăng ký đầu tư)./.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Thiều Quang Hạnh

(CV soạn thảo: Nguyễn Thị Bích Liên - Phòng ĐKDK&ĐTĐN)

QUYẾT ĐỊNH MỞ RỘNG CỤM CN BÃI BA - ĐÔNG THÀNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2223/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 06 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
V/v mở rộng Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính Phủ về Quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 16/7/2019 của HĐND tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ Văn bản số 5897/BCT-CTĐP ngày 14/8/2019 của Bộ Công Thương về việc mở rộng cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Xét đề nghị của Sở Công Thương Phú Thọ tại Tờ trình số 53/TTr-SCT ngày 21/8/2019,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Mở rộng Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành.

2. Tổng diện tích cụm công nghiệp là 75 ha, bao gồm:

- Diện tích đã thành lập ban đầu và đầu tư xây dựng: 50ha;
- Diện tích dự kiến mở rộng: 25 ha.

3. Địa điểm: Thuộc địa bàn 3 xã; Chí Tiên, Đông Thành và Sơn Cương, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, trong đó diện tích mở rộng 25ha nằm trong khu vực tiếp giáp giữa 2 xã: Chí Tiên (diện tích 20,13 ha) và Đông Thành (diện tích 4,87 ha).

4. Phạm vi, ranh giới cụm công nghiệp.

- Phía Đông Bắc thuộc xã Đông Thành;
- Phía Tây và Tây Bắc thuộc xã Chí Tiên;
- Phía Nam thuộc xã Sơn Cương;
- Phía Đông giáp tuyến đường liên xã.

5. Định hướng thu hút ngành nghề hoạt động chủ yếu vào cụm công nghiệp, gồm:

- Công nghiệp chế biến lâm sản: Chế biến gỗ rừng trồng; sản xuất đồ mộc gia dụng; gỗ nội thất phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu;
- Công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm;
- Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Cơ khí lắp ráp: Lắp ráp, sửa chữa ô tô, máy nông nghiệp, sản phẩm cơ khí phục vụ tiêu dùng;
- Sản xuất, lắp ráp linh kiện điện tử;
- Các ngành công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

Điều 2. Giao UBND huyện Thanh Ba tổ chức triển khai quản lý đầu tư xây dựng và phát triển Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành đảm bảo có hiệu quả, phù hợp với quy hoạch phát triển Cụm công nghiệp của tỉnh, tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước về đầu tư xây dựng, bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND huyện Thanh Ba và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Công Thương;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Các PCVP;
- CV: NCTH;
- Lưu: VT, KT4(70).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Bùi Văn Quang

QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH MỞ RỘNG QUY HOẠCH

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3417/QĐ-UBND

Thanh Ba, ngày 11 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 của Quốc hội về sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 2223/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc mở rộng Cụm công nghiệp Bãi Ba – Đông Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ,;

Căn cứ văn bản số 2017/SXD-KTQH&QLN ngày 02/12/2019 của Sở Xây dựng về việc cho ý kiến nội dung Điều chỉnh, mở rộng Điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba;

Xét đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng về việc phê duyệt Điều chỉnh, mở rộng Điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba với các nội dung sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba.

2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Thanh Ba.

3. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng.

4. Ranh giới, phạm vi lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

Khu vực nghiên cứu mở rộng quy hoạch thuộc địa bàn xã Đông Thành và xã Chí Tiên, có vị trí địa lý như sau:

+ Phía Bắc giáp đồi, ruộng trũng thuộc xã Chí Tiên.
+ Phía Nam giáp ranh giới Cụm công nghiệp Bãi Ba-Đông Thành đã duyệt.
+ Phía Tây giáp đồi, ruộng trũng thuộc xã Chí Tiên.
+ Phía Đông giáp đường giao thông thuộc xã Đông Thành.

Quy mô nghiên cứu mở rộng quy hoạch có diện tích: 244.810,0 m2.

Tổng diện tích Cụm công nghiệp sau khi mở rộng: 745.580,0 m2.

5. Nội dung điều chỉnh quy hoạch:

5.1. Điều chỉnh quy công nhân lao động.

Dự kiến số công nhân lao động cho phần Cụm công nghiệp mở rộng khoảng 1.000 – 1.500 người.

5.2. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án:

Chỉ tiêu sử dụng cho việc tính toán hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho đồ án được lấy theo các Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCXDVN 01: 2008/BXD và QCVN 07: 2016/BXD, có tham khảo thêm một số các chỉ tiêu kinh tế của các dự án phát triển khác. Các chỉ tiêu tính toán hạ tầng kỹ thuật được thống kê trong phần quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

a. Các chỉ tiêu về sử dụng đất:

STT	Loại đất	Tỷ lệ dự kiến (%)
1	Nhà máy, kho tàng	≥55
2	Các khu kỹ thuật	≥1
3	Công trình hành chính, dịch vụ	≥1
4	Giao thông	≥8
5	Cây xanh	≥10

b. Các chỉ tiêu chủ yếu về hạ tầng kỹ thuật

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
I	**Chỉ tiêu về đất đai**		
	- Mật độ xây dựng gộp (brut-tối đa	%	≤50
	- Tầng cao trung bình	tầng	3
	- Hệ số sử dụng đất toàn khu tối đa	lần	1,5
II	**Hạ tầng kỹ thuật**		
2.1	Giao thông		
	- Tỷ lệ đất giao thông	%	≥8
	- Bề rộng mặt đường	m	≥7,5
	- Bề rộng vỉa hè	m	≥4,5

2.2	Tiêu chuẩn cấp điện		
	- Sản xuất công nghiệp, kho tàng	KW/ha	140
	- Công trình công cộng, dịch vụ	W/m²sàn	30
	- Khu cây xanh	W/m²	0,5
	- Chiếu sáng đường	Lx	≥5
3.3	Tiêu chuẩn cấp nước		
	- Cấp nước CCN (≥60% diện tích)	m3/ha-ngđ	≥20
	- Cấp nước sinh hoạt (Q_{sh})	lít/ng-ngđ	≥100
	- Cấp nước công trình công cộng và dịch vụ	lít/m² sàn-ngđ	≥2
	- Cấp nước rửa đường	lít/m²-ngđ	≥0,5
	- Nước tưới vườn hoa, cây xanh	lít/m²-ngđ	≥3
3.4	Tiêu chuẩn thoát nước		
	- Thu gom nước thải sinh hoạt	$\%Q_{sh}$	≥80
	- Thu gom nước thải công nghiệp	$\%Q_{CN}$	≥80
3.5	Tiêu chuẩn rác thải, chất thải rắn		Tùy theo loại hình sản xuất

5.3. Để xuất một số loại hình công nghiệp được ưu tiên tại cụm CN:
- Chế biến lâm nông, lâm sản phục vụ trong nước và xuất khẩu.
- Công nghiệp nhẹ Dệt, may.
- Sản xuất phân vi sinh...
- Vật liệu xây dựng: Gạch lát, sứ vệ sinh cao cấp.
- Một số công nghiệp phụ trợ khác.

5.4. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan

5.4.1. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất:

a. Điều chỉnh, mở rộng ranh giới:

- Mở rộng ranh giới quy hoạch về phía Bắc và Đông Bắc khu quy hoạch, quy mô mở rộng: 244.810,0 m2. Tổng diện tích Cụm công nghiệp sau mở rộng: 745.580,0 m2.

b. Điều chỉnh, bổ sung các khu chức năng:

- Bổ sung 15 ô đất xây dựng nhà máy công nghiệp, ký hiệu từ CN27 đến CN 41, với diện tích trung bình 1,0 - 1,4 ha/ 1 ô.
- Bổ sung khu đất Hạ tầng kỹ thuật (ký hiệu KT1) phía Tây Bắc khu quy hoạch mở rộng, với diện tích: 1.025 m2.
- Bổ sung đất Cây xanh kết hợp taluy (bề rộng khoảng 22m) tại các vị trí tiếp giáp với ranh giới mở rộng Cụm công nghiệp.

- Bổ sung giải cây xanh với bề rộng 1,5m trên vỉa hè 2 bên trục đường 18m (mặt cắt 1-1).
- Điều chỉnh chức năng lô đất Bến bãi kho tàng thành chức năng đất xây dựng nhà máy công nghiệp, do nhu cầu thực tế sử dụng trong Cụm công nghiệp không cần một khu kho tàng, bến bãi riêng biệt.
- Điều chỉnh diện tích và kích thước các ô đất xây dựng nhà máy công nghiệp trong phần Cụm công nghiệp đã duyệt (50 ha) để phù hợp với nhu cầu của sản xuất kinh doanh của các Doanh nghiệp.
- Điều chỉnh cắt bỏ một phần tuyến đường 18m (mặt cắt 1-1) vị trí ô đất công nghiệp CN1, phần diện tích đất giao thông chuyển đổi thành chức năng đất xây dựng nhà máy công nghiệp.

5.4.2. Cơ cấu sử dụng đất cho toàn khu quy hoạch điều chỉnh:

TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (QH đã duyệt)	Diện tích (QH điều chỉnh)	Tăng (+) Giảm (-) (m2)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nhà máy, kho tàng		372.919,0	580.668,0	207.749,0	77,88
2	Đất hạ tầng kỹ thuật	HT	13.920,0	8.510,0	- 5.410,0	1,14
3	Đất hành chính, dịch vụ	CC	10.045,0	11.403,0	1.358,0	1,53
4	Đất cây xanh, taluy		52.591,0	74.797,0	22.206,0	10,03
5	Đất giao thông		51.295,0	70.202,0	18907,0	9,42
	Tổng cộng		**500.770,0**	**745.580,0**	**244.810,0**	**100,00**

5.4.3. Bảng chỉ tiêu sử dụng đất đối với từng lô đất điều chỉnh:

TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (QH đã duyệt)	Diện tích (QH điều chỉnh)	Tăng (+) Giảm (-) (m2)	Tỷ Lệ (%)	Mật độ XD (%)	Tầng cao XD (Tầng)	Hệ số SD (Lần)	K.hài
1	**Đất nhà máy, kho tàng**		**372.919,0**	**580.668,0**	**207.749,0**	**77,88**		**3**	**10,20**	**6**
1.1	***Đất nhà máy công nghiệp***	***CN1-CN41***	***362.848,0***	***580.668,0***	***217820,0***	***77,88***	***60,00***	*3*	***1,80***	6
		CN1	15.190,0	121.575,0	106.385,0	*16,31*	60,00	*3*	1,80	6
		CN2	11.630,0	-	-11.630,0	-	60,00	*3*	-	6
		CN3	11.667,0	-	-11.667,0	-	60,00	*3*	-	6
		CN4	11.703,0	-	-11.703,0	-	60,00	*3*	-	6
		CN5	15.483,0	-	-15.483,0	-	60,00	*3*	-	6
		CN6	13.464,0	-	-13.464,0	-	60,00	*3*	-	6
		CN7	13.464,0	-	-13.464,0	-	60,00	*3*	-	6
		CN8	13.464,0	-	-13.464,0	-	60,00	*3*	-	6
		CN9	13.515,0	-	-13.515,0	-	60,00	*3*	-	6
		CN10	13.648,0	16.286,0	2.638,0	*2,18*	60,00	*3*	1,80	6
		CN11	13.464,0	16.086,0	2.622,0	*2,16*	60,00	*3*	1,80	6
		CN12	13.464,0	16.086,0	2.622,0	*2,16*	60,00	*3*	1,80	6
		CN13	13.464,0	16.086,0	2.622,0	*2,16*	60,00	*3*	1,80	6

		CN14	13.805,0	16.641,0	2.836,0	*2,23*	60,00	*3*	1,80	6
		CN15	16.868,0	16.868,0	0,0	*2,26*	60,00	*3*	1,80	6
		CN16	16.858,0	16.858,0	0,0	*2,26*	60,00	*3*	1,80	6
		CN17	16.858,0	16.858,0	0,0	*2,26*	60,00	*3*	1,80	6
		CN18	16.847,0	16.847,0	0,0	*2,26*	60,00	*3*	1,80	6
		CN19	16.672,0	16.672,0	0,0	*2,24*	60,00	*3*	1,80	6
		CN20	16.858,0	16.858,0	0,0	*2,26*	60,00	*3*	1,80	6
		CN21	16.858,0	16.858,0	0,0	*2,26*	60,00	*3*	1,80	6
		CN22	16.826,0	16.826,0	0,0	*2,26*	60,00	*3*	1,80	6
		CN23	13.500,0	13.908,0	408,0	*1,87*	60,00	*3*	1,80	6
		CN24	13.504,0	13.908,0	404,0	*1,87*	60,00	*3*	1,80	6
		CN25	13.774,0	13.993,0	219,0	*1,88*	60,00	*3*	1,80	6
		CN26	-	13.908,0	13.908,0	*1,87*	60,00	*3*	1,80	6
		CN27	-	13.714,0	13.714,0	*1,84*	60,00	*3*	1,80	6
		CN28	-	13.539,0	13.539,0	*1,82*	60,00	*3*	1,80	6
		CN29	-	13.449,0	13.449,0	*1,80*	60,00	*3*	1,80	6
		CN30	-	13.359,0	13.359,0	*1,79*	60,00	*3*	1,80	6
		CN31	-	10.404,0	10.404,0	*1,40*	60,00	*3*	1,80	6
		CN32	-	12.844,0	12.844,0	*1,72*	60,00	*3*	1,80	6
		CN33	-	12.768,0	12.768,0	*1,71*	60,00	*3*	1,80	6
		CN34	-	12.768,0	12.768,0	*1,71*	60,00	*3*	1,80	6
		CN35	-	12.768,0	12.768,0	*1,71*	60,00	*3*	1,80	6
		CN36	-	10.227,0	10.227,0	*1,37*	60,00	*3*	1,80	6
		CN37	-	11.759,0	11.759,0	*1,58*	60,00	*3*	1,80	6
		CN38	-	12.882,0	12.882,0	*1,73*	60,00	*3*	1,80	6
		CN39	-	12.882,0	12.882,0	*1,73*	60,00	*3*	1,80	6
		CN40	-	12.882,0	12.882,0	*1,73*	60,00	*3*	1,80	6
		CN41	-	11.301,0	11.301,0	*1,52*	60,00	*3*	1,80	6
1.2	***Đất kho tàng, bến bãi***	***KB***	**10.071,0**	-	**-10071,0**	-	***60,00***	*3*	***0,00***	6
2	**Đất hạ tầng kỹ thuật**	**KT-KT1**	**13.920,0**	**8.510,0**	**-5410,0**	**1,14**	**60,00**	**2**	***1,20***	***6***
		KT	13.920,0	7.485,0	-6.435,0	*1,00*	60,00	2		
		KT1	-	1.025,0	1.025,0	*0,14*	60,00	2		
3	**Đất hành chính, dịch vụ**	**CC**	**10.045,00**	**11.403,0**	**1.358,0**	**1,53**	**60,0**	**3**	**1.80**	**6**
4	**Đất cây xanh, taluy**		**52.591,0**	**74.797,0**	**22.206,0**	10,03				
5	**Đất giao thông**		**51.295,0**	**70.202,0**	**18.907,0**	9,42				
	Tổng cộng		**500.770,0**	**745.580,0**	**244.810,0**	**100,0**	**48,3**	**1-3**	**1,44**	

- Mật độ xây dựng toàn khu: 48,3%.
- Hệ số sử dụng đất toàn khu: 1,44 lần.
- Tầng cao trung bình: 3 tầng.

5.5. Quy hoạch hệ thống cây xanh và kiến trúc cảnh quan khu quy hoạch mở rộng:

- Hệ thống cây xanh trong cụm công nghiệp được hình thành bởi hệ thống cây xanh bên ngoài các lô đất xây dựng và hệ thống cây xanh bên trong các lô đất xây dựng.
- Cây xanh tại các tuyến đường được bố trí tại các dải phân cách và hai bên đường , sử dụng các loại cây có bóng mát kết hợp với cây bụi thấp và trồng cỏ.
- Cây xanh trong công viên và các khoảng mở công cộng được bố trí gắn liền với các khu xây dựng các công trình công cộng, bố trí tạo cảnh quan môi trường.
- Cây xanh trong các dải cách ly được bố trí bên ngoài cụm công nghiệp nhằm giảm độc hại với các khu dân cư lân cận, sử dụng các loại cây có tán kết hợp với cây bụi.
- Kiến trúc cảnh quan của cụm công nghiệp không chỉ tại các điểm nhìn trong cụm công nghiệp mà còn từ phía khu dân cư và các tuyến giao thông đối ngoại. Vì vậy, những phần biên tiếp giáp khu dân cư và tiếp giáp với các tuyến giao thông đối ngoại cần bố trí công trình và các công trình có hình dáng kiến trúc đẹp; ngăn được việc phô bày hệ thống kho tàng, nhà xưởng, bãi nguyên liệu có hình thức xấu.
- Tổ chức khoảng xây lùi cách các lộ giới để trồng cây xanh che bớt và làm sinh động hơn hình thức kiến trúc đơn điệu và màu sắc của các công trình công nghiệp.
- Tổ chức khoảng lùi cách hàng rào của hai xí nghiệp liền kề vừa đảm bảo an toàn phòng hoả và ngăn được cảm giác kéo dài tường như vô tận của các công trình công nghiệp.

5.6. Điều chỉnh mạng lưới hạ tầng kỹ thuật:

a. Giao thông.

- Theo quy hoạch đã duyệt có các tuyến đường giao thông với mặt cắt sau:

+ Mặt cắt 1-1 (đường 15,0m): lòng đường rộng 9,0m; vỉa hè rộng 2x3,0m (1,5m trồng cây xanh).

+ Mặt cắt 2-2 (đường 13,0m): lòng đường rộng 8,5m; vỉa hè rộng 1x4,5m; giải cây xanh rộng 5,0m.

- Nội dung điều chỉnh:

+ Cắt một phần tuyến đường giao thông 15,0m (mặt cắt 1-1) tại vị trí phía Nam khu quy hoạch, giảm 510 m dài.

+ Bổ sung tuyến đường giao thông (đường 13,5m) từ nút N5+132 đến nút N8 với bề rộng lòng đường 9,0m; vỉa hè rộng 4,5m, giải cây xanh rộng 3,0m có chiều dài 430 m.

b. San nền.

- Theo quy hoạch đã duyệt cao độ san nền trung bình cho các công trình xây dựng từ cốt +30.0 đến cốt + 39,0.
- Nội dung điều chỉnh phần quy hoạch mở rộng:

+ Khống chế cốt nền cho khu quy hoạch mở rộng từ cốt +31.46 đến +39.0.

c. Cấp điện.

+ Nguồn điện: Lấy từ đường dây trung thế 35KV, lộ 372 – 4.9, thuận lợi cho việc đấu nối với lưới điện quốc gia.

+ Dây dẫn dùng dây dẫn AsXV-185 – 35KV.

- Trạm biến áp 250KVA-35KV (đã xây dựng cấp cho khu Nhà điều hành và dịch vụ công cộng).
- Đường dây 0,4KV: Bố trí đi ngầm trên vỉa hè.
- Hệ thống đèn đường: theo quy hoạch đã phê duyệt.

c. Cấp nước.

- Nguồn cấp nước: Nước cấp cho cụm công nghiệp phần mở rộng được lấy từ đường ống cấp nước sạch D400 đi qua khu vực quy hoạch.

d. Thoát nước mưa.

- Hệ thống thoát nước mưa theo quy hoạch đã duyệt:

+ Lưu vực 1: Thu nước mặt và nước thải sinh hoạt của khu quy hoạch đã duyệt bằng tuyến rãnh B800 đến B1200 sau đó thoát cửa xả tại vị trí phía Tây Nam khu quy hoạch.

- Hệ thống thoát nước mưa phần quy hoạch mở rộng:

+ Lưu vực 2: Thu nước mặt của khu quy hoạch đã duyệt bằng tuyến rãnh B800 đến B1000 và D1500 sau đó thoát cửa xả tại vị trí phía Đông Bắc khu quy hoạch.

e. Thoát nước thải:

Nước thải sau thu gom về trạm bơm sẽ được bơm lên trạm xử lý, nước thải sau khi xử lý sẽ được xả ra cống Tiên Châu thuộc xã Chí Tiên cách khu vực quy hoạch 1,5 km

Trên mạng tại các nút giao nhau của cống có xây dựng các giếng thăm chính, ngoài ra khoảng 30m - 50m lại xây dựng một giếng kiểm tra.

Cống dùng là cống BTCT chịu được sự ăn mòn của các loại chất thải.

- Nước sinh hoạt của cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được thu gom bằng các tuyến cống thoát nước nội bộ từng doanh nghiệp rồi dẫn về trạm xử lý. Yêu cầu đối với các doanh nghiệp trước khi thải nước sinh hoạt từ xí và tiểu cần phải xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại.
- Nội dung điều chỉnh mở rộng:

Diện tích mở rộng là khoảng 24,48 ha.

Lưu lượng nước thải phát sinh từ khu mở rộng khoảng 500 m3/ngđ.

Xây dựng hệ thống cống thu gom nước thải sản xuất từ các nhà máy. Tuyến ống thu gom chạy dọc lề đường. Trên tuyến bố trí các hố ga kỹ thuật tại các vị trí ống giao nhau, đối với đoạn ống thẳng khoảng cách giữa các ga là 30m.

Hệ thống ống cống thu gom nước thải vận chuyển nước thải về trạm bơm chuyển bậc tăng áp bố trí khu vực đông bắc của khu đất mở rộng. Nước thải được tập trung và bơm về hồ ga trên tuyến ống thoát nước đã xây dựng .

Công suất của trạm bơm tăng áp chuyển bậc là 500 m3/ngđ.

e. Vệ sinh môi trường.

Rác thải trong CCN từ các nhà máy sẽ được phân loại riêng ngay trong từng nhà máy. Việc phân loại phải đảm bảo tách riêng rác thải sinh hoạt và sản xuất thông thường không độc hại ra khỏi rác thải công nghiệp độc hại. Các loại rác này được tập chung tại vị trí quy định trong từng nhà máy và được thu gom và đem đi chôn lấp hoặc xử lý ở nơi khác bởi công ty môi trường theo hợp đồng với các nhà máy.

Đối với các tuyến đường trong CCN sẽ bố trí các thùng rác công cộng với khoảng cách 100m/thùng để thu gom rác sinh hoạt do cán bộ, công nhân khi đi bộ trên hè xả ra. Rác từ các thùng này sẽ được công ty môi trường định kỳ thu gom đưa ra khỏi CCN.

Trong CCN không thực hiện việc xử lý rác thải sinh hoạt cũng như công nghiệp.

f. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

Toàn bộ CCN nằm trong vùng phủ sóng của mạng viễn thông khu vực. Khi CCN đi vào hoạt động chi nhánh viễn thông khu vực sẽ đầu tư một trạm cung cấp các dịch vụ viễn thông cho các doanh nghiệp trong CCN. Dự kiến trạm này sẽ đặt trong khu vực khu điều hành. Hệ thống cáp thông tin được đặt dọc theo các trục đường giao thông để đảm bảo cung cấp dịch vụ cho từng lô nhà máy.

Các nội dung khác không thay đổi vẫn giữ nguyên theo bản vẽ quy hoạch đã được UBND huyện Thanh Ba phê duyệt tại Quyết định số 1844/QĐ-UBND ngày 23/9/2016.

6. Hạng mục ưu tiêu đầu tư và nguồn lực thực hiện.

6.1. Hạng mục ưu tiên đầu tư: Thu hồi, giao đất; Đền bù giải phóng mặt bằng; Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu vực hoạch mở rộng.

6.2. Tiến độ và nguồn lực thực hiện quy hoạch.

- Quý I/2020 - quý IV/2020: Thu hồi, giao đất; Đền bù giải phóng mặt bằng; Xây dựng hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước,...) trong khu vực mở rộng.
- Nguồn lực thực hiện: Công ty TNHH xây dựng Tự Lập và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

(Các nội dung nêu trên được thể hiện trên Đồ án Điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba do Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng lập được phòng Kinh tế và Hạ tầng; UBND xã Đông Thành, UBND xã Chí Tiên; UBND xã Sơn Cương và Sở Xây dựng thẩm định thống nhất trình duyệt).

7. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch: Ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện: Công ty TNHH xây dựng Tự Lập phối hợp Phòng Kinh tế và Hạ tầng; phòng Tài nguyên và Môi trường; UBND xã Đông Thành; UBND xã Chí Tiên; UBND xã Sơn Cương và đơn vị tư vấn tổ chức công bố công khai quy hoạch được duyệt và chịu trách nhiệm về quản lý quy hoạch, kiến trúc và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - kế hoạch; Chủ tịch UBND xã Đông Thành; Chủ tịch UBND xã Chí Tiên; Chủ tịch UBND xã Sơn Cương ; Công ty TNHH xây dựng Tự Lập và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thực hiện. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Sở Xây dựng (b/c);
- CT, PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, nghành liên quan;
- Lưu: VT, KT&HT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đỗ Xuân Hoàn

VĂN BẢN PHÁP LÝ THÀNH LẬP VÀ NGÀNH NGHỀ THU HÚT

QUYẾT ĐỊNH MỞ RỘNG CỤM CN BÃI BA - ĐÔNG THÀNH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:3075/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 24 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
V/v điều chỉnhQuyết định số 2223/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc mở rộng Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính Phủ về Quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 2223/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc mở rộng cụm công nghiệp Bãi Ba – Đông Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 60/TTr-SCT ngày 23/11/2020.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.Điều chỉnh, sửa đổi Khoản 5, Điều 1 Quyết định số 2223/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc mở rộng Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ với nội dung như sau:

Điều chỉnh về định hướng thu hút ngành nghề hoạt động chủ yếu vào cụm công nghiệp Bãi Ba – Đông Thành, huyện Thanh Ba, bao gồm các ngành nghề như sau:

- Nhóm các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, bao gồm: Sản xuất, chế biến thực phẩm; Sản xuất đồ uống; Dệt (trừ các sản phẩm tẩy, nhuộm); Sản xuất trang phục; Sản xuất sản phẩm từ các loại da thành phẩm; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa; Sản xuất giường, tủ, bàn ghế ...; In sao bản ghi các loại; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (Trừ sản xuất thuỷ tinh, xi măng, vôi); Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn; Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; Sản xuất thiết bị điện; Sản xuất máy móc, thiết bị; Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ôtô, xe máy và xe có động cơ khác.
- Nhóm các ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí.
- Các ngành công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp công nghệ cao; Công nghiệp chế biến, chế tạo khác thân thiện với môi trường.

Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 2223/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc mở rộng cụm công nghiệp Bãi Ba – Đông Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Giao Sở Công Thương phối hợp với các Sở, ngành, UBND huyện Thanh Ba tổ chức triển khai quản lý, giám sát, hướng dẫn Chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng xây dựng và ban hành quy chế quản lý, thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành đảm bảo tuân thủ đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về đất đai, đầu tư, xây dựng và bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND huyện Thanh Ba và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- CT, PCT Nguyễn Thanh Hải;
- Như điều 3;
- CVP, PCVP TH;
- Lưu: VT, KT4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓCHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Hải

QUYẾT ĐỊNH BỔ XUNG NGÀNH NGHỀ

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:3325 /QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 15 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bổ sung ngành nghề định hướng thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Công Thương về Quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ ban hành về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018; Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh, số: 1574/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 về việc thành lập Cụm công nghiệp Bãi Ba-Đông Thành, huyện Thanh Ba, 2223/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 về việc mở rộng cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba, 3075/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 về việc điều chỉnh, bổ sung các ngành nghề định hướng thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp Bãi Ba-Đông Thành, huyện Thanh Ba;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 72/TTr-SCT ngày 28/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Bổ sung một số ngành nghề thu hút đầu tư sản xuất, kinh doanh vào cụm công nghiệp Bãi Ba – Đông Thành, gồm 02 nhóm ngành: Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì cao cấp và Đúc sắt, thép, kim loại màu.

Các nội dung khác giữ nguyên theo các Quyết định số 2223/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND tỉnh về việc mở rộng cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba; Quyết định số 3075/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung các ngành nghề định hướng thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba.

Điều 2. Giao Sở Công Thương phối hợp với các Sở, ngành, UBND huyện Thanh Ba tổ chức triển khai thực hiện; quản lý, giám sát, hướng dẫn Chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng xây dựng và ban hành quy chế quản lý, thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành đảm bảo tuân thủ các quy định về đất đai, đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường và các quy định khác liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND huyện Thanh Ba; Giám đốc Công ty TNHH xây dựng Tự Lập và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- CT, PCT Nguyễn Thanh Hải;
- Như điều 3;
- CVP, PCVP TH;
- Lưu: VT, CT1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Hải

VĂN BẢN PHÁP LÝ VỀ MÔI TRƯỜNG

QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

Số: 563 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 15 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, địa bàn xã Chí Tiên và xã Sơn Cương, huyện Thanh Ba của Công ty TNHH xây dựng Tự Lập

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường (tờ trình số 173/TTr-TNMT ngày 12/3/2019),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, địa bàn xã Chí Tiên và xã Sơn Cương, huyện Thanh Ba của Công ty TNHH xây dựng Tự Lập, với những nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, quy mô của dự án:

Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, địa bàn xã Chí Tiên và xã Sơn Cương, huyện Thanh Ba của Công ty TNHH xây dựng Tự Lập có phạm vi, quy mô:

- Tổng diện tích đất của dự án 500.770,0 m^2, trong đó:
+ Diện tích đất nhà máy, kho tàng: 372.919,0 m^2.
+ Diện tích đất các công trình cung cấp bảo đảm kỹ thuật: 13.920,0 m^2.
+ Diện tích đất xây dựng công trình công cộng: 10.045,0 m^2.

+ Diện tích đất giao thông: 50.323,0 m^2.
+ Diện tích đất cây xanh: 53.563,0 m^2.
- Các ngành công nghiệp thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp:
+ Các ngành chế biến lâm sản (sản xuất gỗ ván ép, đồ mộc dân dụng).
+ Công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm.
+ Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng (may mặc, đan lát, hàng thủ công, mỹ nghệ).
+ Ngành sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ; sản xuất phân vi sinh.
+ Các ngành công nghiệp phụ trợ thân thiện với môi trường.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án:

Yêu cầu Công ty TNHH xây dựng Tự Lập đầu tư các biện pháp xử lý giảm thiểu ô nhiễm chất thải đúng theo cam kết nêu trong báo cáo bảo đảm đạt tiêu chuẩn môi trường, cụ thể:

- Xử lý nước thải đạt mức B theo QCVN 40: 2011/BTNMT, với các hệ số Kq = 0,9 và Kf = 1,0 trước khi thải ra mương thoát nước.
- Xử lý tiếng ồn, độ rung bảo đảm theo QCVN 26: 2010/BTNMT và QCVN 27: 2010/BTNMT.
- Xử lý khí thải, bụi thải bảo đảm theo QCVN 19: 2009/BTNMT và QCVN 20: 2009/BTNMT.
- Chất thải rắn phải được thu gom, lưu giữ và xử lý theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan.
- Đầu tư trang thiết bị, các phương tiện phòng ngừa và ứng cứu sự cố ô nhiễm môi trường, phòng chống cháy nổ theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

3. Công ty TNHH xây dựng Tự Lập (chủ dự án) có trách nhiệm:

- Lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, địa bàn xã Chí Tiên và xã Sơn Cương, huyện Thanh Ba trước khi triển khai thực hiện dự án.
- Thực hiện đúng các yêu cầu về bảo vệ môi trường nêu tại mục 2 ở trên và nội dung về bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của chủ dự án quy định tại Điều 16 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức. Thực hiện các chương trình giám sát, quan trắc các thành phần môi trường theo đúng cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.
- Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, địa bàn xã Chí Tiên và xã Sơn Cương, huyện Thanh Ba nếu có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có chấp thuận của UBND tỉnh Phú Thọ bằng văn bản.
- Có trách nhiệm báo cáo các cơ quan chức năng liên quan về giám định công nghệ, thiết bị của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật

Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, địa bàn xã Chí Tiên và xã Sơn Cương, huyện Thanh Ba.

Chi tiết theo nội dung tại tờ trình số 173/TTr-TNMT ngày 12/3/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường và hồ sơ đề nghị phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, địa bàn xã Chí Tiên và xã Sơn Cương, huyện Thanh Ba.

Điều 2. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, địa bàn xã Chí Tiên và xã Sơn Cương, huyện Thanh Ba của Công ty TNHH xây dựng Tự Lập là cơ sở để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, địa bàn xã Chí Tiên và xã Sơn Cương, huyện Thanh Ba đã được phê duyệt tại quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Thanh Ba, Công ty TNHH xây dựng Tự Lập; các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thực hiện, quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- CT, PCT (ô. Thủy);
- PCVP (ô. Quang);
- Lưu: VT, KTI (L-18b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Công Thủy

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 14 /GPMT-UBND	*Phú Thọ, ngày 05 tháng 02 năm 2024*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ theo Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba (giai đoạn 2)" tại xã Đông Thành, xã Chí Tiên và xã Sơn Cương, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ của Công ty TNHH xây dựng Tự Lập;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH xây dựng Tự Lập tại Văn bản số 81/TL-BĐA ngày 31 tháng 01 năm 2024 và hồ sơ nộp kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 66/TTr-TNMT ngày 02/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH xây dựng Tự Lập, có địa chỉ trụ sở chính tại số 3010, đường Hùng Vương, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường dự án "đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ" với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

1.2. Địa điểm hoạt động: tại các xã Đông Thành, Chí Tiên, Sơn Cương, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 0706527434 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ chứng nhận lần đầu ngày 28/9/2018, chứng nhận

thay đổi lần thứ nhất ngày 30/10/2019, chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 20/9/2021.

1.4. Mã số thuế: 2600251062.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: ngành nghề được phép thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp bao gồm:

- Công nghiệp chế biến lâm sản: chế biến gỗ rừng trồng; sản xuất đồ mộc gia dụng; gỗ nội thất phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm.

- Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

- Sản xuất các loại vật liệu xây dựng.

- Cơ khí lắp ráp: lắp ráp, sửa chữa ô tô, máy nông nghiệp, sản phẩm cơ khí phục vụ tiêu dùng.

- Sản xuất, lắp ráp linh kiện điện tử.

- Các ngành công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp công nghệ cao; công nghiệp chế biến, chế tạo khác thân thiện với môi trường.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án:

- Phạm vi: diện tích thực hiện dự án: 745.580m² tại các xã Đông Thành, Chí Tiên, Sơn Cương, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Quy mô: dự án nhóm B (theo tiêu chí phân loại dự án Luật Đầu tư công); thuộc dự án đầu tư nhóm II theo tiêu chí phân loại dự án đầu tư Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH xây dựng Tự Lập.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH xây dựng Tự Lập có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định; báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Phú Thọ, Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định trong Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- CT, PCT (Phan Trọng Tấn);
- Sở TN&MT;
- CVP, các PCVP;
- UBND huyện Thanh Ba;
- Công ty TNHH xây dựng Tự Lập;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TN3 (Tr-14b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trọng Tấn

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 14 /GPMT-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải của doanh nghiệp thứ cấp trong Cụm công nghiệp (bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp) sau khi xử lý sơ bộ được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của Cụm công nghiệp.

- Nguồn số 02: nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà điều hành của Ban quản lý Cụm công nghiệp.

- Nguồn số 03: nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà điều hành trạm xử lý nước thải.

- Nguồn số 04: nước thải phát sinh từ máy ép bùn của trạm xử lý nước thải.

- Nguồn số 05: nước thải phát sinh từ phòng thí nghiệm của trạm xử lý nước thải.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

- 1 dòng nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Sông Hồng, đoạn chảy qua huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Điểm xả nước thải: phía Tây trạm xử lý nước thải - vị trí tại mương thoát nước thuộc khu 9, xã Sơn Cương, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Toạ độ vị trí xả nước thải: X: 2370555,05; Y: 542914,90 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104⁰45' múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 750 m³/ngày đêm.

a) Phương thức xả nước thải: tự chảy.

b) Chế độ xả nước thải: liên tục.

c) Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, K_q= 0,9, K_f = 1,0) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (C_{max})	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động
1	Lưu lượng (đầu vào và đầu ra)	m³/h	-	3 tháng/lần	Thuộc đối tượng phải lắp đặt
2	pH	-	6 - 9		
3	Nhiệt độ	ºC	40		
4	TSS	mg/l	45		
5	COD	mg/l	67,5		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5		
7	Màu	Pt/Co	50		
8	BOD_5 (20ºC)	mg/l	27		
9	Asen	mg/l	0,045		Không yêu cầu
10	Thủy ngân	mg/l	0,0045		
11	Chì	mg/l	0,09		
12	Cadimi	mg/l	0,045		
13	Crom (VI)	mg/l	0,045		
14	Crom (III)	mg/l	0,18		
15	Đồng	mg/l	1,8		
16	Kẽm	mg/l	2,7		
17	Niken	mg/l	0,18		
18	Mangan	mg/l	0,45		
19	Sắt	mg/l	0,9		
20	Tổng xianua	mg/l	0,063		
21	Tổng phenol	mg/l	0,09		
22	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5		
23	Sunfua	mg/l	0,18		
24	Florua	mg/l	4,5		
25	Tổng nitơ	mg/l	18		
26	Tổng photpho (tính theo N)	mg/l	3,6		
27	Clorua	mg/l	450		
28	Clo dư	mg/l	0,9		
29	Coliform	MPN/100mg/l	3.000		
30	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,045	1 năm/lần	
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,27		
32	Tổng PCB	mg/l	0,0027		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh từ các dự án thứ cấp hoạt động trong Cụm công nghiệp sau khi xử lý sơ bộ đạt cột B QCVN 40:2011/BTNMT được thu gom theo các cống D300 đường dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 02 (nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà điều hành của Ban quản lý Cụm công nghiệp): nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom theo đường ống nhựa PVC D110 dẫn về 1 bể tự hoại để xử lý sơ bộ. Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa tay chân được thu gom theo đường ống D110, dài 5m, sau đó thu gom cùng với nước thải từ bể tự hoại theo đường ống D110, dài 35m đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 03 (nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà điều hành trạm xử lý nước thải): nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh được thu gom theo đường ống nhựa PVC D110 dẫn về 1 bể tự hoại. Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa tay chân được thu gom theo đường ống D110, dài 3m sau đó cùng với nước thải từ bể tự hoại theo đường ống dẫn D110, dài 65m dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp để xử lý.

- Nguồn số 04: nước thải phát sinh từ máy ép bùn được thu gom theo đường ống PVC D110 dẫn về bể gom của trạm xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 05: nước thải phát sinh từ phòng thí nghiệm trạm xử lý nước thải sẽ được thu gom theo đường ống PVC D110 dẫn về bể gom của trạm xử lý nước thải tập trung.

Nước thải sau xử lý tại Trạm xử lý nước thải tập trung 750 m³/ngày đêm đạt cột A theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thoát vào mương thoát nước khu vực thoát ra sông Hồng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Các công trình xử lý nước thải:

+ 1 bể tự hoại tại khu nhà điều hành của Ban quản lý Cụm công nghiệp (thể tích 20,16m³);

+ 1 bể tự hoại tại khu trạm xử lý nước thải tập trung (thể tích 10,33m³);

+ 1 trạm xử lý nước thải tập trung công suất 750 m³/ngày đêm, gồm các bể có thể tích lần lượt: bể gom (81,66m³), bể lắng cát, tách mỡ (74,37m³), bể điều hòa (271,71m³), bể điều chỉnh pH (8,4m³), bể keo tụ (9,1m³), bể tạo bông (11,2m³), bể lắng hóa lý (116,4m³), bể thiếu khí (2 bể thể tích 45 m³/bể), bể hiếu khí (2 bể thể tích 142,2 m³/bể), bể lắng sinh học (224,45m³), bể khử trùng (27,88m³), bể chứa bùn (41,92m³), sân phơi bùn (8,95m³), mương quan trắc (3,56m³), hố sự cố (2.268 m³).

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải tập trung: nước thải từ bể tự hoại, nước rửa tay chân, nước từ máy ép bùn, nước từ phòng thí nghiệm và nước thải sau xử lý từ các dự án hoạt động trong Cụm công nghiệp → bể gom → bể lắng cát, tách dầu mỡ → bể điều hòa → bể điều chỉnh pH → bể phản ứng keo tụ → bể tạo bông

→ bể lắng hóa lý → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng sinh học → bể khử trùng → mương quan trắc → mương thoát nước của khu vực. Hệ thống có 1 bể chứa bùn.

- Công suất thiết kế hệ thống xử lý nước thải tập trung: 750 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Javen, NaOH, H_2SO_4 98%, Poly aluminum chloride (PAC).

1.3. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải đảm bảo:

+ Số lượng: 1 hệ thống.

+ Vị trí lắp đặt: tại mương quan trắc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Thông số lắp đặt: lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD và Amoni.

+ Thiết bị lấy mẫu tự động: có.

+ Camera theo dõi: có camera giám sát.

+ Kết nối, truyền số liệu: thời hạn hoàn thành việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động) và kết nối, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ chậm nhất là ngày 31/12/2024.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Công trình ứng phó sự cố:

- Một hồ ứng phó sự cố thể tích 2.268m³, mái và đáy hồ được rải vải địa kỹ thuật màng HDPE, bê tông lót và kè bằng đá hộc bao đảm kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường theo quy định của pháp luật.

b) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào từ các doanh nghiệp thứ cấp: thường xuyên kiểm tra việc xả thải các doanh nghiệp thông qua các hố ga nước thải được đặt ngoài hàng rào của doanh nghiệp; lập danh sách các doanh nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm, định kỳ lấy mẫu kiểm tra nước thải các doanh nghiệp này.

+ Bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

+ Định kỳ hằng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

- Phương án ứng phó sự cố:

+ Trường hợp nước thải vượt quy chuẩn trong điều kiện hệ thống xử lý nước thải tập trung hoạt động bình thường, cán bộ vận hành mở van để nước thải dẫn từ bể gom dẫn về hồ sự cố. Trong trường hợp đã hoàn thành hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục, tín hiệu từ hệ thống quan trắc tự động, liên tục sẽ báo hiệu để tự động dừng bơm cấp nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung theo chương trình đã được lập trình, sau đó nước thải từ bể gom được bơm về hồ sự cố.

+ Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố do thiết bị, các đường ống dẫn nước thải hoặc tại các công đoạn xử lý của hệ thống: nước thải được đưa về hồ sự cố thể tích 2.268m³ trong các trường hợp sau: (1) trường hợp hỏng hóc thiết bị phải thực hiện các biện pháp vận hành các thiết bị dự phòng, tháo các thiết bị hỏng hóc để kiểm tra, bảo dưỡng, bổ sung thay thế; (2) trường hợp rò rỉ, vỡ đường ống do tác động ngoại cảnh, tiến hành khóa nguồn nước và sử dụng bơm di động, khắc phục ngay sự cố; (3) trường hợp sự cố do vận hành liên quan đến việc phải chỉnh liều lượng hóa chất phù hợp, điều chỉnh nồng độ bùn, dinh dưỡng, nuôi cấy vi sinh, tiến hành rà soát, điều chỉnh, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục, tiếp tục vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, bơm nước thải chưa xử lý từ hồ sự cố về bể gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

+ Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố nghiêm trọng, cần dừng tạm thời để sửa chữa, thay thế: công nhân vận hành khóa van vào bể gom, mở van để dẫn nước thải về hồ sự cố lưu giữ trong thời gian 3 ngày, khẩn trương khắc phục sự cố; sau khi khắc phục xong nước thải được bơm trở lại bể gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Trường hợp cần thiết, thỏa thuận với các cơ sở thứ cấp về việc hạn chế xả nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung để khắc phục sự cố.

1.5. Yêu cầu nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung là cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- 6 tháng, bắt đầu từ ngày 01/5/2024, kết thúc ngày 31/10/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 750 m³/ngày đêm.

a) Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào tại bể gom.

- Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 4, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT

ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Cụm công nghiệp.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành trạm xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành và lưu giữ tối thiểu 2 năm.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 4, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý nước thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Cụm công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

3.7. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kết nối, truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ, bảo đảm thời gian hoàn thành chậm nhất trước 31 tháng 12 năm 2024 theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 1 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.8. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực; thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.9. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra ngoài môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

PHỤ LỤC 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 14 /GPMT-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: phát sinh từ các máy thổi khí, máy bơm, máy ép bùn và các thiết bị được lắp đặt tại Trạm xử lý nước thải tập trung 750 m^3/ngày đêm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:: X: 2370542; Y: 542972 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104°45' múi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu:

3.1. Tiếng ồn: giá trị giới hạn đối với tiếng ồn theo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (theo mức âm tương đương) dBA:

TT	Khu vực	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

3.2. Độ rung: độ rung không vượt quá giới hạn cho phép theo Quy chuẩn QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)	
		Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ
1	Khu vực đặc biệt	60	55
2	Khu vực thông thường	70	60

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Các điểm tiếp xúc giữa máy móc thiết bị và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và độ rung.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, bảo đảm động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này./.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 14 /GPMT-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang hỏng thải	16 01 06	6
2	Hộp mực in thải có chứa thành phần nguy hại	08 02 04	4
	Tổng		**10**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải chất thải công nghiệp thông thường phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/ngày)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	12 06 05	71,25

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn cát nạo vét từ hố ga thu gom nước mưa	600
2	Rác thu hồi từ song chắn rác	2.000
	Tổng	**2.600**

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 0,9125 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

a) Thiết bị lưu chứa: 2 thùng, dung tích 100 lít/thùng.

b) Kho lưu chứa: không.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường:

a) Thiết bị lưu chứa: 1 thùng nhựa, dung tích 240 lít/thùng.

b) Khu vực lưu chứa: không.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

a) Thiết bị lưu chứa: 1 thùng, dung tích 120 lít/thùng.

b) Kho lưu chứa: không.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quản lý chất thải:

- Thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại các Điều 75, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hệ thống xử lý nước thải, khí thải và các sự cố môi trường khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định Luật Bảo vệ Môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

PHỤ LỤC 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 14 /GPMT-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh Phú Thọ)

A. CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC ĐÃ THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

1. Không.

B. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

- Các hạng mục công trình đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án " đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đồng Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ" của Công ty TNHH xây dựng Tự Lập được phê duyệt tại Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ mà chủ đầu tư tiếp tục thực hiện sau khi cấp giấy phép môi trường:

+ Xây dựng tiếp 1 module công suất 750 m^3/ngày đêm của hệ thống xử lý nước thải.

+ Xây dựng hồ sự cố dung tích 2.268m^3.

+ Hoàn thành xây dựng taluy và trồng cây xanh đảm bảo yêu cầu quy định./.

XÁC NHẬN KẾT NỐI, TRUYỀN SỐ LIỆU TRẠM QUAN TRẮC NƯỚC THẢI TỰ ĐỘNG

UBND TỈNH PHÚ THỌ
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Số: 32 /Lô/TNMT-CCMT
V/v xác nhận kết nối, truyền số liệu trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục của Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập tại CCN Bãi Ba – Đồng Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 26 tháng 11 năm 2024

Kính gửi: Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập.

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường.

Căn cứ kết quả kiểm tra, hồ sơ kỹ thuật, kết quả đánh giá hệ thống, kết quả truyền, nhận dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận: Dữ liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục của CCN Bãi Ba – Đồng Thành, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ của Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập gồm các thông số: Lưu lượng (01 đầu vào và 01 đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni đã được kết nối và truyền thành công về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Yêu cầu Công ty nghiêm túc thực hiện việc quản lý dữ liệu và vận hành, bảo mật hệ thống quan trắc tự động, liên tục theo đúng quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

Thông báo để Quý đơn vị biết, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- GĐ, PGĐ (Ô.Thọ);
- Chi cục BVMT;
- Lưu VT (Long.2b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bá Thọ

VĂN BẢN CHẤP THUẬN KẾT QUẢ NGHIỆM THU VỀ PCCC

Mẫu số PC12

CÔNG AN TỈNH PHÚ THỌ
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH
Số: 43 /NT-PCCC&CNCH
V/v chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 07 tháng 8 năm 2023

Kính gửi: Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 14/TD-PCCC, ngày 28/01/2019 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Phú Thọ đối với dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba";

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 171/TD-PCCC, ngày 03/09/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Phú Thọ đối với dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba";

Căn cứ Văn bản thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 60/TD-PCCC, ngày 25/5/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Phú Thọ đối với dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba";

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 394/TL-BDA, ngày 10/7/2023 của Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập.

Căn cứ Biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Phú Thọ và các bên liên quan lập ngày 27/7/2023;

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Phú Thọ chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy công trình: "Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba".

Địa điểm xây dựng: Xã Đông Thành, xã Sơn Cương và xã Chí Tiên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH xây dựng Tự Lập.

Đơn vị thi công: Công ty TNHH xây dựng Tự Lập; Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Hoàng Đức.

Quy mô: Dự án có diện tích 745.580m² thuộc Xã Đông Thành, xã Sơn Cương và xã Chí Tiên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà bao gồm 27 trụ nước.

1. Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

- Giao thông phục vụ cho xe chữa cháy;

- Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà.

2. Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị nêu tại biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH lập ngày 27/7/2023 và các điều kiện an toàn về PCCC đối với cơ sở theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ;

- Chịu trách nhiệm về quy mô, tính chất hoạt động của công trình phù hợp với quy hoạch được phê duyệt, về tính chính xác của hồ sơ nghiệm thu về PCCC, khối lượng, chất lượng thi công, lắp đặt hệ thống PCCC và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt, xuất trình hồ sơ thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC của công trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Việc kiểm tra của cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan trong hoạt động đầu tư, xây dựng công trình quy định tại Điều 14 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy (không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch xây dựng), là một trong những căn cứ để chủ đầu tư nghiệm thu và đưa công trình vào sử dụng theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên (để thực hiện);
- C07 - Bộ Công an;
- Lưu: PCCC&CNCH (CTPC).

TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Nguyễn Quốc Cường

VĂN BẢN CHẤP THUẬN KẾT QUẢ NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CỤM CN BÃI BA - ĐÔNG THÀNH

UBND TỈNH PHÚ THỌ
SỞ XÂY DỰNG
Số: 1112 /SXD-GĐ
V/v chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành một số hạng mục công trình thuộc dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 10 tháng 10 năm 2023

Kính gửi: Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập.

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ; Căn cứ kế hoạch kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình số 318/SXD-GĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Sở Xây dựng Phú Thọ.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, Sở Xây dựng đã thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu đối với công trình theo quy định. Căn cứ Biên bản kiểm tra lập ngày 15 tháng 3 năm 2023 và Báo cáo số 595/TL-BDA ngày 05/10/2023 của chủ đầu tư về việc khắc phục các tồn tại của công trình,

Sau khi xem xét, Sở Xây dựng thông báo kết quả kiểm tra như sau:

1. Thông tin chung về công trình, hạng mục công trình xây dựng:

1.1. Công trình xây dựng: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba.

1.2. Địa điểm xây dựng: Xã Sơn Cương, xã Đông Thành và xã Chí Kiên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

1.3. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp II.

1.4. Ngày khởi công: Tháng 6/2019.

1.5. Ngày hoàn thành: Tháng 12/2021.

1.6. Quy mô các hạng mục công trình hoàn thành:

Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba, các hạng mục hoàn thành bao gồm: San nền; đường giao thông; hệ thống cấp nước; hệ thống

thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải; phần xây dựng của trạm xử lý nước thải (công suất 750m³/ngđ); khu nhà điều hành; cấp điện.

(Chi tiết theo hồ sơ bản vẽ hoàn công, thiết kế thi công được duyệt)

1.7. Các chủ thể tham gia xây dựng:

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập.
- Nhà thầu tư vấn thiết kế: Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng T&D Việt Nam.
- Nhà thầu tư vấn giám sát: Công ty cổ phần Tư vấn Đô thị Việt Nam (Vinacity).
- Nhà thầu thi công xây dựng:

+ Công ty cổ phần Tập đoàn xây dựng Thăng Long: Thi công một phần hạng mục San nền.

+ Công ty TNHH một thành viên xây lắp công nghiệp: Thi công hạng mục Đường dây 35KV.

+ Công ty cổ phần vật tư xây lắp công nghiệp Quang Minh: Thi công hạng mục Trạm biến áp.

+ Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập: Thi công các hạng mục san nền; giao thông; cây xanh; thoát nước; phần xây dựng thuộc hạng mục trạm xử lý nước thải.

2. Hiện trạng chất lượng của công trình xây dựng:

Tại thời điểm kiểm tra, qua quan sát bằng trực quan và đo đạc một số vị trí không bị che khuất của công trình nhận thấy:

- Công trình không có hiện tượng lún, nghiêng, nứt hay biểu hiện bất thường của kết cấu chịu lực. Các kích thước hình học nhìn chung đã được đơn vị thi công tuân thủ, triển khai đảm bảo yêu cầu thiết kế và thiết kế điều chỉnh. Chất lượng hoàn thiện cơ bản đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.
- Hệ thống điện, nước đã thực hiện sử dụng bình thường.
- Công trình đã được Phòng CSPCCC&CNCH – Công An tỉnh Phú Thọ chấp thuận nghiệm thu PCCC tại Văn bản số 43/NT-PCCC&CNCH ngày 07/8/2023.

3. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật:

Trên cơ sở kiểm tra và báo cáo giải trình của chủ đầu tư nhận thấy, hồ sơ quản lý chất lượng nhìn chung được chủ đầu tư, các nhà thầu tổ chức thực hiện theo quy định. Chủ đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung đã báo cáo.

4. Các yêu cầu đối với chủ đầu tư và các nhà thầu liên quan:

- Chủ đầu tư nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, công tác phòng cháy, chữa cháy; quản lý chặt chẽ các loại chất thải đầu ra đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật về môi trường khi vận hành, khai thác công trình.

- Chủ đầu tư và các nhà thầu liên quan hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc xác lập xuất xứ hàng hóa, chủng loại vật liệu, thiết bị điện sử dụng để xây dựng và lắp đặt cho công trình.
- Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình thực hiện bảo trì công trình xây dựng theo quy định hiện hành.
- Chủ đầu tư, các nhà thầu lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định của pháp luật.

5. Kết luận:

Sở Xây dựng chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành của chủ đầu tư đối với một số hạng mục công trình thuộc dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba. Đề nghị chủ đầu tư triển khai các bước tiếp theo của dự án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- GĐ, các PGĐ;
- Nhà thầu liên quan (t/h);
- Lưu: VT, GĐ.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hồng Phong

HỒ SƠ PHÁP LÝ CỤM CN BÃI BA 2

TT	Tên hồ sơ	Cơ quan ban hành	Ghi chú
I	**Giấy tờ pháp lý thành lập và ngành nghề thu hút**		
1	Quyết định số 1288/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	UBND tỉnh Phú Thọ	V/v thành lập Cụm CN Bãi Ba 2, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
2	Quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 23/10/2021	UBND tỉnh Phú Thọ	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
3	Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 04/11/2021	UNND huyện Thanh Ba	V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500, Cụm CN Bãi Ba 2, huyện Thanh Ba
4	Quyết định số 206/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	UBND tỉnh Phú Thọ	Điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
5	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Số 1168188888 ngày 22/02/2024	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Giấy chứng nhận nhà đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập
II	**Môi trường**		
1	Quyết định số 693/QĐ-BTNMT ngày 24/3/2023	Bộ TNMT	V/v phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Cụm CN Bãi Ba 2

VĂN BẢN PHÁP LÝ THÀNH LẬP VÀ NGÀNH NGHỀ THU HÚT

QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP CỤM CN BÃI BA 2

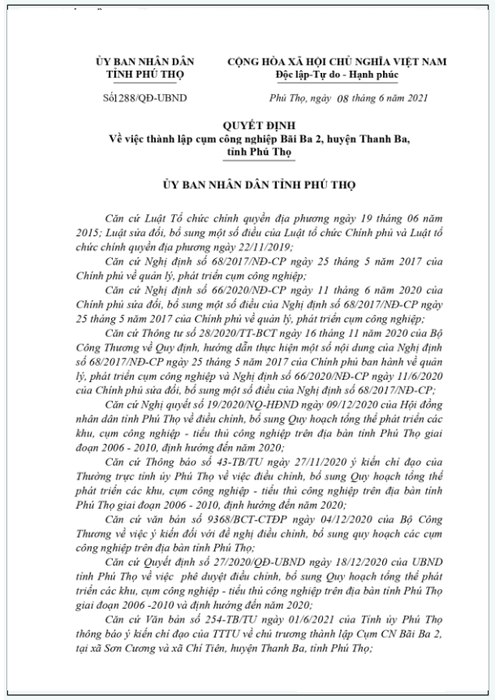

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

Số:1288/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 08 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập cụm công nghiệp Bãi Ba 2, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BCT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Công Thương về Quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ ban hành về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ về điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển các khu, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2006 - 2010, định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Thông báo số 43-TB/TU ngày 27/11/2020 ý kiến chỉ đạo của Thường trực tỉnh ủy Phú Thọ về việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển các khu, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2006 - 2010, định hướng đến năm 2020;

Căn cứ văn bản số 9368/BCT-CTĐP ngày 04/12/2020 của Bộ Công Thương về việc ý kiến đối với đề nghị điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển các khu, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2006 -2010 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Văn bản số 254-TB/TU ngày 01/6/2021 của Tỉnh ủy Phú Thọ thông báo ý kiến chỉ đạo của TTTU về chủ trương thành lập Cụm CN Bãi Ba 2, tại xã Sơn Cương và xã Chí Tiên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ;

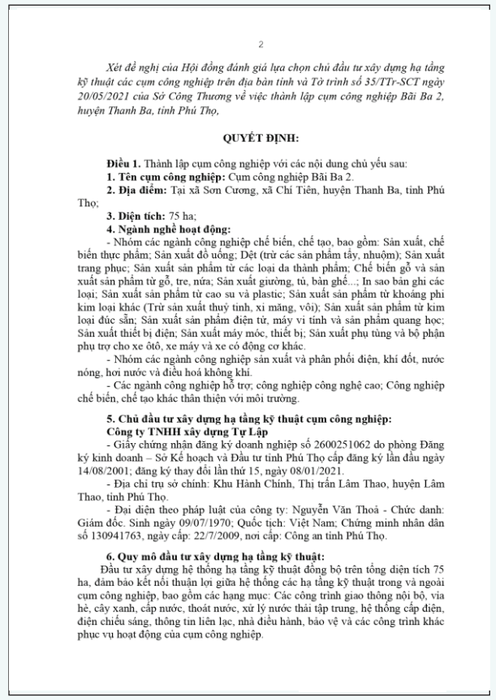

Xét đề nghị của Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh và Tờ trình số 35/TTr-SCT ngày 20/05/2021 của Sở Công Thương về việc thành lập cụm công nghiệp Bãi Ba 2, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập cụm công nghiệp với các nội dung chủ yếu sau:
1. Tên cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Bãi Ba 2.
2. Địa điểm: Tại xã Sơn Cương, xã Chí Tiên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.
3. Diện tích: 75 ha;
4. Ngành nghề hoạt động:
- Nhóm các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, bao gồm: Sản xuất, chế biến thực phẩm; Sản xuất đồ uống; Dệt (trừ các sản phẩm tẩy, nhuộm); Sản xuất trang phục; Sản xuất sản phẩm từ các loại da thành phẩm; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa; Sản xuất giường, tủ, bàn ghế...; In sao bản ghi các loại; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (Trừ sản xuất thuỷ tinh, xi măng, vôi); Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn; Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; Sản xuất thiết bị điện; Sản xuất máy móc, thiết bị; Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ôtô, xe máy và xe có động cơ khác.
- Nhóm các ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí.
- Các ngành công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp công nghệ cao; Công nghiệp chế biến, chế tạo khác thân thiện với môi trường.
5. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp:
Công ty TNHH xây dựng Tự Lập
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600251062 do phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp đăng ký lần đầu ngày 14/08/2001; đăng ký thay đổi lần thứ 15, ngày 08/01/2021.
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu Hành Chính, Thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.
- Đại diện theo pháp luật của công ty: Nguyễn Văn Thoả - Chức danh: Giám đốc. Sinh ngày 09/07/1970; Quốc tịch: Việt Nam; Chứng minh nhân dân số 130941763, ngày cấp: 22/7/2009, nơi cấp: Công an tỉnh Phú Thọ.
6. Quy mô đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật:
Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ trên tổng diện tích 75 ha, đảm bảo kết nối thuận lợi giữa hệ thống các hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài cụm công nghiệp, bao gồm các hạng mục: Các công trình giao thông nội bộ, vỉa hè, cây xanh, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải tập trung, hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, nhà điều hành, bảo vệ và các công trình khác phục vụ hoạt động của cụm công nghiệp.

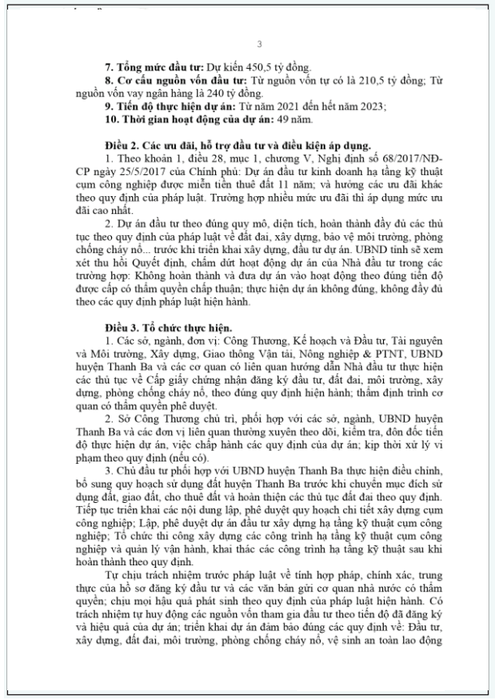

7. Tổng mức đầu tư: Dự kiến 450,5 tỷ đồng.
8. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn vốn tự có là 210,5 tỷ đồng; Từ nguồn vốn vay ngân hàng là 240 tỷ đồng.
9. Tiến độ thực hiện dự án: Từ năm 2021 đến hết năm 2023;
10. Thời gian hoạt động của dự án: 49 năm.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng.
1. Theo khoản 1, điều 28, mục 1, chương V, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ: Dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp được miễn tiền thuê đất 11 năm; và hưởng các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp nhiều mức ưu đãi thì áp dụng mức ưu đãi cao nhất.
2. Dự án đầu tư theo đúng quy mô, diện tích, hoàn thành đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ... trước khi triển khai xây dựng, đầu tư dự án. UBND tỉnh sẽ xem xét thu hồi Quyết định, chấm dứt hoạt động dự án của Nhà đầu tư trong các trường hợp: Không hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động theo đúng tiến độ được cấp có thẩm quyền chấp thuận; thực hiện dự án không đúng, không đầy đủ theo các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.
1. Các sở, ngành, đơn vị: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp & PTNT, UBND huyện Thanh Ba và các cơ quan có liên quan hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, đất đai, môi trường, xây dựng, phòng chống cháy nổ, theo đúng quy định hiện hành; thẩm định trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
2. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND huyện Thanh Ba và các đơn vị liên quan thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện dự án, việc chấp hành các quy định của dự án; kịp thời xử lý vi phạm theo quy định (nếu có).
3. Chủ đầu tư phối hợp với UBND huyện Thanh Ba thực hiện điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất huyện Thanh Ba trước khi chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất và hoàn thiện các thủ tục đất đai theo quy định. Tiếp tục triển khai các nội dung lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp; Lập, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; Tổ chức thi công xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và quản lý vận hành, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật sau khi hoàn thành theo quy định.
Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ đăng ký đầu tư và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; chịu mọi hậu quả phát sinh theo quy định của pháp luật hiện hành. Có trách nhiệm tự huy động các nguồn vốn tham gia đầu tư theo tiến độ đã đăng ký và hiệu quả của dự án; triển khai dự án đảm bảo đúng các quy định về: Đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường, phòng chống cháy nổ, vệ sinh an toàn lao động

và các vấn đề khác liên quan đến việc triển khai dự án.
Nghiêm chỉnh thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện dự án theo quy định.

Điều 4. Điều khoản thi hành.
1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành;
2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giao thông và vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND huyện Thanh Ba và Giám đốc Công ty TNHH xây dựng Tự Lập có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Công Thương;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Công Thương địa phương;
- Như điều 4;
- Các PCVP;
- Lưu: VT, KT4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Bùi Văn Quang

GIẤY CHỨNG NHẬN CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ ĐỒNG THỜI CHẤP NHẬN NHÀ ĐẦU TƯ

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

Số: 2718 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 23 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ
(Cấp lần đầu: Ngày 23 tháng 10 năm 2021)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; sửa đổi ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Văn bản đề nghị thực hiện dự án và hồ sơ kèm theo của Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số: 595/BC-SKH&ĐT ngày 19/10/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư với nội dung như sau:

1. Nhà đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600251062 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp đăng ký lần đầu ngày 14/08/2001; đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 20/8/2021. Địa chỉ trụ sở chính: số 3010 đường Hùng Vương, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Thông tin về người đại diện theo pháp luật:

Ông Nguyễn Văn Thỏa; Chức danh: Giám đốc; Sinh ngày: 09/7/1970; Quốc tịch: Việt Nam; Chứng minh nhân dân số: 130941763; Ngày cấp: 22/7/2009; Nơi cấp: Công an tỉnh Phú Thọ; Địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện tại: Khu Đồng Nhà Lạnh, thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

2. Tên dự án: Cụm Công nghiệp Bãi Ba 2, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

3. Địa điểm thực hiện: Xã Sơn Cương và xã Chí Tiên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

4. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 749.800 m^2 (74,98 ha).

5. Quy mô đầu tư:

- Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ trên tổng diện tích 74,98 ha, đảm bảo kết nối thuận lợi giữa hệ thống các hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài cụm công nghiệp, bao gồm các hạng mục: Các công trình giao thông nội bộ, vỉa hè, cây xanh, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải tập trung, hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, nhà điều hành, bảo vệ và các công trình khác phục vụ hoạt động của cụm công nghiệp.

- Ngành nghề hoạt động: Ưu tiên thu hút các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh vào cụm công nghiệp có công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng; Nhóm các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, bao gồm: Dược phẩm; Sản xuất, chế biến thực phẩm; Sản xuất đồ uống; Dệt (trừ các sản phẩm tẩy, nhuộm); Sản xuất trang phục; Sản xuất sản phẩm từ các loại da thành phẩm; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa; Sản xuất giường, tủ, bàn ghế...; In sao bản ghi các loại; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (Trừ sản xuất thuỷ tinh, xi măng, vôi); Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn; Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; Sản xuất thiết bị điện; Sản xuất máy móc, thiết bị; Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ôtô, xe máy và xe có động cơ khác. Nhóm các ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí. Các ngành công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp công nghệ cao.

6. Tổng vốn đầu tư: 450,5 tỷ đồng (Bốn trăm năm mươi tỷ, năm trăm triệu đồng). Trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư: 210,5 tỷ đồng, đạt 46,7% tổng vốn đầu tư.
- Vốn huy động hợp pháp khác: 240 tỷ đồng, đạt 53,3% tổng vốn đầu tư.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 49 năm.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

a. Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Vốn góp: hoàn thành theo tiến độ thực hiện dự án.
- Vốn huy động: hoàn thành theo tiến độ thực hiện dự án.

b. Tiến độ thực hiện dự án:

- Quý IV/2021: Lập quy hoạch chi tiết, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và thực hiện hoàn thiện thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án.
- Quý I/2022 – quý IV/2023: Thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng, thực hiện các thủ tục liên quan đến lĩnh vực xây dựng và thực hiện đầu tư xây dựng các công trình, hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

9. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

- Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Ưu đai về thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, nhập khẩu.
- Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

10. Các điều kiện khác để thực hiện dự án đầu tư:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư và các văn bản gửi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trong quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 156/20108/NĐ-CP ngày 16/11/2018, Nghị định số 83/2020 ngày 15/7/2020 của Chính phủ.

- Rà soát, thống kê các loại đất nông nghiệp theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, Luật Thủy lợi và Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của bộ Tài nguyên và Môi trường. Thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang mục đích khác, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, tiền trồng rừng thay thế và việc bảo vệ, sử dụng tầng đất mặt theo quy định của Luật Đất đai, Luật trồng trọt, Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019, Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ và Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Khi thực hiện dự án, nhà đầu tư phải có biện pháp đảm bảo quá trình tiêu thoát nước cho khu vực tuyến ngòi tiêu Cầu Dần và không được san lấp ngòi tiêu theo Quyết định số 1142/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ, danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của nhà đầu tư

- Chịu trách nhiệm huy động các nguồn vốn tham gia đầu tư, thực hiện dự án theo tiến độ đã đăng ký.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung yêu cầu tại các văn bản tham gia ý kiến thẩm định của các sở, ngành, địa phương liên quan (được nêu ở văn bản này) trong quá trình thực hiện dự án.

- Phối hợp với UBND huyện Thanh Ba tổ chức lập quy hoạch chi tiết 1/500 Cụm công nghiệp Bãi Ba 2 trình UBND huyện Thanh Ba phê duyệt làm cơ sở triển khai đầu tư xây dựng, thu hút đầu tư và cấp giấy phép xây dựng theo quy định.

- Việc xây dựng dự án phải tuân thủ theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và các quy định pháp luật hiện hành.

- Thực hiện việc ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án theo quy định.

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường, xây dựng, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan.

- Quá trình triển khai thực hiện dự án cần tuân thủ các quy định có liên quan về đầu tư, kinh doanh, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động và các quy định của pháp luật có liên quan; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định.

- Nghiêm chỉnh thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện dự án theo quy định của Luật Đầu tư; chế độ báo cáo giám sát đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung báo cáo và chịu mọi hậu quả phát sinh theo quy định của pháp luật hiện hành nếu không thực hiện báo cáo hoặc báo cáo sai sự thực.

2. Trách nhiệm của sở, ngành, đơn vị có liên quan

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm về số liệu, thông tin và kết quả thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án.

- Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương và UBND huyện Thanh Ba chịu trách nhiệm về ý kiến thẩm định theo lĩnh vực quản lý; ý kiến không phản đối về chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án.

- Các sở, ngành, đơn vị: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương và UBND huyện Thanh Ba và các cơ quan có liên quan hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đầu tư, đất đai, môi trường, xây dựng, phòng chống cháy nổ,...theo đúng quy định hiện hành; thẩm định trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra tiến độ thực hiện dự án, việc chấp hành các quy định của dự án; kịp thời xử lý vi phạm theo quy định (nếu có).

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thời điểm có hiệu lực của quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc sở, Thủ trưởng các đơn vị: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Giao thông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và UBND huyện Thanh Ba và Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập có trách nhiệm thi hành quyết định này.

3. Quyết định này được cấp cho Công ty Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập (01 bản); một bản được lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, PCT Nguyễn Thanh Hải;
- CVP, PVPTH;
- Lưu: VT, KT4.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Hải

QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA

Số: 2122 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Ba, ngày 04 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Bãi Ba 2, huyện Thanh Ba.

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật số: 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật tổ chức chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Xây dựng số 02/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020;

Căn cứ Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số: 07/VBHN-BXD ngày 22/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý phát triển cụm công nghiệp; Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 16/6/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc thành lập Cụm công nghiệp Bãi Ba 2, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 1498/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2021 của UBND huyện Thanh Ba về việc phê duyệt nhiệm vụ, dự toán kinh phí lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Bãi Ba 2, huyện Thanh Ba;

Căn cứ Văn bản số 2140/SXD-KTQH&QLN ngày 25/10/2021 của Sở Xây dựng về việc cho ý kiến về nội dung đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Bãi Ba 2, huyện Thanh Ba;

Căn cứ Văn bản số 1349/ SCT-KHTC ngày 28/10/2021 của Sở công thương về việc tham gia ý kiến đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cụm công nghiệp Bãi Ba 2, huyện Thanh Ba.

Xét đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Bãi Ba 2, huyện Thanh Ba với các nội dung sau:

1. Tên đồ án : Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Bãi Ba 2, huyện Thanh Ba.

2. Chủ đầu tư lập quy hoạch: Công ty TNHH xây dựng Tự Lập.

3. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển Công thương.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Chí Tiên, xã Sơn Cương, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

5. Ranh giới, phạm vi quy hoạch.

- Khu đất lập quy hoạch chi tiết có diện tích diện tích 74,98 ha, thuộc xã Chí Tiên, xã Sơn Cương, huyện Thanh Ba có ranh giới như sau:
  - Phía Tây: Giáp đất trồng lúa, đất ở dân cư.
  - Phía Bắc: Giáp đất trồng lúa, đất đồi rừng.
  - Phía Đông: Giáp cum công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành.
  - Phía Nam: Giáp đất trồng lúa, đất đồi rừng.

6. Tính chất:

Là cụm công nghiệp tổng hợp, hướng đến các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, bao gồm: Sản xuất, chế biến thực phẩm; Sản xuất đồ uống; Dệt (trừ các sản phẩm tẩy, nhuộm); Sản xuất trang phục; Sản xuất sản phẩm từ các loại da thành phẩm; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa; Sản xuất giường, tủ, bàn ghế...; In sao bản ghi các loại; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (Trừ sản xuất thuỷ tinh, xi măng, vôi); Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn; Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; Sản xuất thiết bị điện; Sản xuất máy móc, thiết bị; Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ôtô, xe máy và xe có động cơ khác.

- Nhóm các ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí.
- Các ngành công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp công nghệ cao; Công nghiệp chế biến, chế tạo khác thân thiện với môi trường.

7. Các chỉ tiêu kinh tế- kỹ thuật xây dựng chủ yếu

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật xây dựng xác định như sau:

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu theo QCVN	Chỉ tiêu theo QH
I	**Sử dụng đất**			
1	Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	%	≥ 1	1,4
2	Mật độ xây dựng của lô đất nhà máy	%	≤ 70	70
3	Đất giao thông	%	≥ 10	10,3
4	Đất cây xanh	%	≥ 10	10,5
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	%	≥ 1	1,7

II	**Hạ tầng kỹ thuật**			
1	***Giao thông***			
-	Chiều rộng tiết kế cho 1 làn xe	m	≥ 3,0	3,0
-	Chiều rộng tối thiểu hè đường	m	≥ 3,0	5,5
-	Độ dốc dọc tối thiểu	%	0,3	0,3
-	Độ dốc ngang	%	2	2
2	***Thoát nước mặt***			
-	Tải trọng tính toán kết cấu cống, rãnh		HL93	HL93
-	Chu kỳ thiết kế (P)	năm	5	5
3	***Cấp điện***			
3	***Cấp điện***			
-	Chiếu sáng đường	w/m2	≥ 1	2
-	Chiếu sáng cây xanh	w/m2	≥ 1	1
-	Cấp điện công nghiệp cho mọi loại hình	Kw/ha	≥ 140	200
-	Cấp điện công trình công cộng, dịch vụ	W/m2 sàn	≥ 30	30
-	Cấp điện kho tàng, bến bãi	Kw/ha	≥ 50	50
-	Cấp điện công trình hạ tầng kỹ thuật	Kw/ha	≥ 50	50
4	***Cấp nước***			
-	Cấp nước công nghiệp	m3/ha/ng.đ	≥ 20	20
-	Cấp nước sinh hoạt	Lít/ng/ng.đ	25	40
-	Cấp nước công trình công cộng, dịch vụ	Lít/m2 sàn/ng.đ	≥ 2	2
-	Nước rửa đường	m3/ha	10	10
-	Nước tưới cây	m3/ha	30	30
-	Nước chữa cháy cho 1 đám cháy	m3/đám cháy	≥ 108	108
-	Nước thất thoát, rò rỉ	% tổng nước cấp	≤ 15	15
5	***Chất thải rắn***	kg/người/ng.đ	≥ 1,3	1,3
6	***Thoát nước thải***	% nước cấp	≥ 80	100

- Chiều cao công trình:

+ Đối với trung tâm điều hành, dịch vụ: Tầng cao công trình: 1 - 3 tầng. Chiều cao tối đa: 15m

+ Đối với khu hạ tầng kỹ thuật: Tầng cao trung bình: 1 - 2 tầng. Chiều cao tối đa: 12m

+ Đối với đất công nghiệp: Tầng cao trung bình: 1 - 5 tầng. Chiều cao tối đa: 20m

- Mật độ xây dựng nhà xưởng: 70%

- Khoảng lùi:

+ Đối với khu trung tâm, dịch vụ: khoảng lùi tối thiểu 6m.

+ Đối với các khu nhà máy, kho tàng: khoảng lùi tối thiểu 6m.

8. Cơ cấu sử dụng đất, giải pháp tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

8.1. Cơ cấu sử dụng đất khu vực quy hoạch

Stt	Loại đất quy hoạch	Ký hiệu	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích đất lập quy hoạch		**749.800,0**	**100,0**
I	Đất công nghiệp + kho tàng	CN - KT	570.899,3	76,1
II	Đất công cộng	CC	10.314,5	1,4
III	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	12.472,3	1,7
IV	Đất cây xanh	CX	79.028,7	10,5
V	Đất giao thông	GT	77.085,2	10,3

Chỉ tiết chỉ tiêu sử dụng đất đối với từng lô đất:

Stt	Loại đất quy hoạch	Ký hiệu	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Mật độ XD (%)	Tầng cao tối đa (Tầng)	Hệ số SD đất (lần)	Diện tích XD (m^2)	Diện tích sàn (m^2)
	Tổng diện tích đất lập quy hoạch		**749.800,0**	**100,0**	**55,1**	**5,0**	**2,7**	**412.909**	**2.026.944**
I	**Đất công nghiệp**	**CN**	**570.899,3**	**76,1**	**70,0**	**5,0**	**3,5**	**399.630**	**1.998.148**
-	Đất công nghiệp	CN1	14.426,9	1,9	70,0	5,0	3,5	10.099	50.494
-	Đất công nghiệp	CN2	14.420,4	1,9	70,0	5,0	3,5	10.094	50.471
-	Đất công nghiệp	CN3	14.228,1	1,9	70,0	5,0	3,5	9.960	49.798
-	Đất công nghiệp	CN4	14.225,1	1,9	70,0	5,0	3,5	9.958	49.788
-	Đất công nghiệp	CN5	12.232,5	1,6	70,0	5,0	3,5	8.563	42.814
-	Đất công nghiệp	CN6	12.084,1	1,6	70,0	5,0	3,5	8.459	42.294
-	Đất công nghiệp	CN7	12.084,1	1,6	70,0	5,0	3,5	8.459	42.294
-	Đất công nghiệp	CN8	12.078,6	1,6	70,0	5,0	3,5	8.455	42.275
-	Đất công nghiệp	CN9	20.883,4	2,8	70,0	5,0	3,5	14.618	73.092
-	Đất công nghiệp	CN10	21.040,4	2,8	70,0	5,0	3,5	14.728	73.641
-	Đất công nghiệp	CN11	10.147,7	1,4	70,0	5,0	3,5	7.103	35.517
-	Đất công nghiệp	CN12	17.095,7	2,3	70,0	5,0	3,5	11.967	59.835
-	Đất công nghiệp	CN13	17.086,5	2,3	70,0	5,0	3,5	11.961	59.803
-	Đất công nghiệp	CN14	17.086,5	2,3	70,0	5,0	3,5	11.961	59.803
-	Đất công nghiệp	CN15	25.675,0	3,4	70,0	5,0	3,5	17.973	89.863
-	Đất công nghiệp	CN16	16.437,4	2,2	70,0	5,0	3,5	11.506	57.531
-	Đất công nghiệp	CN17	17.086,5	2,3	70,0	5,0	3,5	11.961	59.803
-	Đất công nghiệp	CN18	17.086,5	2,3	70,0	5,0	3,5	11.961	59.803
-	Đất công nghiệp	CN19	17.086,5	2,3	70,0	5,0	3,5	11.961	59.803
-	Đất công nghiệp	CN20	17.077,4	2,3	70,0	5,0	3,5	11.954	59.771

QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500

-	Đất công nghiệp	CN21	17.056,1	2,3	70,0	5,0	3,5	11.939	59.696
-	Đất công nghiệp	CN22	17.086,5	2,3	70,0	5,0	3,5	11.961	59.803
-	Đất công nghiệp	CN23	17.086,5	2,3	70,0	5,0	3,5	11.961	59.803
-	Đất công nghiệp	CN24	17.086,5	2,3	70,0	5,0	3,5	11.961	59.803
-	Đất công nghiệp	CN25	16.437,4	2,2	70,0	5,0	3,5	11.506	57.531
-	Đất công nghiệp	CN26	16.437,4	2,2	70,0	5,0	3,5	11.506	57.531
-	Đất công nghiệp	CN27	17.086,5	2,3	70,0	5,0	3,5	11.961	59.803
-	Đất công nghiệp	CN28	17.086,5	2,3	70,0	5,0	3,5	11.961	59.803
-	Đất công nghiệp	CN29	17.086,5	2,3	70,0	5,0	3,5	11.961	59.803
-	Đất công nghiệp	CN30	17.037,9	2,3	70,0	5,0	3,5	11.927	59.633
-	Đất công nghiệp	CN31	16.196,5	2,2	70,0	5,0	3,5	11.338	56.688
-	Đất công nghiệp	CN32	16.033,6	2,1	70,0	5,0	3,5	11.224	56.118
-	Đất công nghiệp	CN33	16.033,6	2,1	70,0	5,0	3,5	11.224	56.118
-	Đất công nghiệp	CN34	16.033,6	2,1	70,0	5,0	3,5	11.224	56.118
-	Đất công nghiệp	CN35	17.544,9	2,3	70,0	5,0	3,5	12.281	61.407
II	**Đất công cộng**	**CC**	**10.314,5**	**1,4**	**60,0**	**3,0**	**1,8**	**6.189**	**18.566**
-	Đất trung tâm điều hành, dịch vụ	CC	10.314,5	1,4	60,0	3,0	1,8	6.189	18.566
III	**Đất hạ tầng kỹ thuật**	**HTKT**	**12.472,3**	**1,7**	-	-	-	**3.140**	**6.279**
1	Đất trạm điện - xử lý nước thải	HTKT1	7.848,8	1,0	40,0	2,0	0,8	3.140	6.279
2	Đường ống cấp nước	HTKT2	1.903,2	0,3	-	-	-	-	-
3	Rãnh thu nước mặt	HTKT3	1.668,0	0,2	-	-	-	-	-
4	Rãnh thu nước mặt	HTKT4	1.052,3	0,1	-	-	-	-	-
IV	**Đất cây xanh**	**CX**	**79.028,7**	**10,5**				**3.951**	**3.951**
1	Đất cây xanh cách ly 1	CX1	35.109,5	4,7	5,0	1,0	0,05	1.755	1.755
2	Đất cây xanh cách ly 2	CX2	5.997,8	0,8	5,0	1,0	0,05	300	300
3	Đất cây xanh cách ly 3	CX3	5.997,8	0,8	5,0	1,0	0,05	300	300
4	Đất cây xanh cách ly 4	CX4	31.923,6	4,3	5,0	1,0	0,05	1.596	1.596
V	**Đất giao thông**	**GT**	**77.085,2**	**10,3**	-	-	-	-	-

8.2. Giải pháp tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

a) Không gian chung

** Các trục đường giao thông – tuyến cảnh quan trong CCN*

- Mạng đường trong Cụm công nghiệp Bãi Ba 2 được quy hoạch theo dạng ô bàn cờ. Dọc hai bên các tuyến bố trí các lô đất công trình công cộng dịch vụ, đất cây xanh công nghiệp, đất hạ tầng kỹ thuật.

- Các đường được thiết kế theo tiêu chuẩn giao thông đô thị. Mặt đường theo tiêu chuẩn của từng loại cấp đường. Thiết kế đô thị tiếp cận và giải quyết đối với hè phố: Mặt đường hệ thống giao thông trong CCN thiết kế mặt đường bê tông. Hè đường thiết kế lát gạch rộng 1,5m cho người đi bộ, phần 4m còn lại trồng cây xanh thảm cỏ có hoa 4 mùa tạo ra một không gian cảnh quan chung cho toàn khu.

- Bỏ vỉa: Cao 20cm, bỏ vỉa sử dụng loại bỏ vỉa tạo vát đối với tất cả các loại hè dẫn lên công trình xây dựng.

- Lát hè: Các đoạn vỉa hè tiếp giáp nhà máy sử dụng các loại vật liệu lát hè thông thường (viên Block XM, bêtông XM,..v.v.) để tiết kiệm kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật.

** Các công trình kiến trúc điểm nhấn.*

Các công trình điểm nhấn được bố trí dọc theo các trục cảnh quan chính và phía cuối của các hướng nhìn như: cổng Cụm công nghiệp, các công trình điều hành, dịch vụ ở mặt ngoài Cụm công nghiệp...

- Đối với các lô đất hướng ra trục giao thông trung tâm: các toà nhà (chỉ giới xây dựng) sẽ xây dựng, cách chỉ giới đường đỏ 6m. Dãy là trục cảnh quan tạo nên bộ mặt đẹp cho toàn bộ Cụm công nghiệp nên chú trọng hình thức kiến trúc công trình.

- Các điểm nhấn kiến trúc ở trung tâm Cụm công nghiệp, khu điều hành, hệ thống khối nhà máy trong Cụm công nghiệp cũng là những điểm nhấn cho CCN. Với độ cao và hình khối công trình, có tầm nhìn từ xa mọi người dễ nhận biết và tạo ấn tượng. Các điểm nhấn này nằm ở trung tâm CCN, trung tâm các khu chức năng.

** Đất cây xanh*

- Cây xanh cách ly:

+ Đây là không gian ngăn cách tiếng ồn và cách ly môi trường giữa khu vực nhà máy với khu dân cư và vùng lân cận. Cần được quản lý, thực hiện đúng quy hoạch.

+ Đối với xây xanh cách ly, lựa chọn những cây có khả năng sống khỏe, ít phải chăm sóc mà vẫn có hình thức tương đối đẹp, như cây keo lá tràm, cây tai tượng...

+ Cây xanh mặt chính CCN và cây xanh dọc các trục đường giao thông:

+ Đối với khu vực trồng cây xanh mặt chính CCN, cần trồng các loại cây nhỏ, tán thưa, hình thức đẹp nhằm trang trí bộ mặt cho CCN và tránh che lấp các công trình.

+ Cây xanh trồng ven đường và trồng xung quanh hàng rào mặt trước Cụm công nghiệp phải được bố trí có tổ chức, đảm bảo cảnh quan chung cho CCN và tránh che lấp các công trình cũng như tầm nhìn giao thông.

+ Cây xanh trồng dọc theo các tuyến đường CCN phải bố trí loại cây có tán, rễ cọc, có thể kết hợp thảm cây có hoa 4 mùa và chịu hạn tốt.

- Cây xanh trong các khu chức năng các nhà máy, khu điều hành:

+ Đối với khu vực này cần trồng các loại cây nhỏ, tán thưa, hình thức đẹp nhằm trang trí trong khuôn viên nhà máy và tránh che lấp các công trình.

+ Diện tích sân vườn trong khuôn viên các nhà máy phải được trồng thảm cỏ kết hợp cây tạo tán, tạo khối.

** Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi*

- Chỉ giới đường đỏ: Chỉ giới đường đỏ trùng mép trong hè đường.
- Chỉ giới xây dựng: Chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ là 6m.

b) Không gian các khu chức năng chính

** Khu trung tâm điều hành, dịch vụ*

- Được quy hoạch với Tổ hợp kiến trúc hài hòa với cảnh quan xung quanh, tạo nên bộ mặt đặc trưng cho khu vực. Khu Trung tâm điều hành, dịch vụ công cộng phải là điểm nhấn, có thiết kế ấn tượng. Công trình thiết kế hợp khối, tạo không gian, cảnh quan đẹp.

- Hình thức kiến trúc hiện đại, trang nhã, sử dụng màu sắc và vật liệu phù hợp với văn hoá, khí hậu của địa phương, tiếp cận với xu thế kiến trúc hiện đại.

** Khu xây dựng nhà máy*

- Các nhà công nghiệp cần có dáng vẻ hiện đại, công trình hài hoà với cảnh quan để tạo ấn tượng về một Cụm công nghiệp xanh, sạch và đẹp. Các nhà máy xây dựng trong Cụm công nghiệp có công nghệ sạch và tiên tiến, nhà thấp nhưng khối lớn tạo ra không gian kiến trúc đa dạng, hiện đại trong Cụm công nghiệp.

- Các nhà máy được bố trí dọc theo các tuyến giao thông của Cụm công nghiệp.

- Tổ hợp kiến trúc nhà xưởng thấp tầng, khẩu độ lớn, bố cục dạng song song, vuông góc tạo nhịp điệu thay đổi và thống thoáng. Xây dựng nhà xưởng có chiều cao từ 1 - 5 tầng, nhà điều hành từ 1 - 4 tầng.

- Mặt trước ưu tiên bố trí các công trình hành chính, hạn chế bố trí dầu hồi nhà xưởng hướng ra mặt đường.

- Đối với lô đất nhà máy hướng ra đường trục chính: Hạn chế không bố trí công trình sản xuất và kho tàng hướng ra mặt đường.

** Khu xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối*

- Các trạm điện, trạm bơm nước, khu xử lý nước thải: Cần được chú trọng về hình thức khi thiết kế và có khoảng lưu không, trong đó có tổ chức cây xanh và bồn hoa.

- Chiếu sáng: Toàn bộ các tuyến đường tại Cụm công nghiệp cần được chiếu sáng công cộng đảm bảo cảm giác an toàn. Các cột điện được thiết kế có hình thức thanh thoát và hiện đại. Dùng loại đèn kiểu dáng hiện đại, ánh sáng gián tiếp.

- Cấp nước: Các đường ống cấp nước cho các lô đất thiết kế chạy ngầm dưới vỉa hè. Các hong cứu hoả cũng cần được thiết kế đảm bảo tính thẩm mỹ.

9. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

9.1. Quy hoạch hệ thống giao thông

** Các chỉ tiêu chính:*

- Đường giao thông cấp III, IV miền núi.

- Vận tốc thiết kế:	40 đến 60 km/h
- Loại mặt đường:	Mặt đường bê tông xi măng
- Độ dốc dọc tối đa của đường:	imax = 4,81%
- Độ dốc dọc tối thiểu của đường:	imin = 0,30%
- Độ dốc ngang mặt đường:	i = 2%
- Bán kính cong bó vỉa tại các ngã 3,4:	R ≥ 12 m
- Tải trọng tính toán:	H30-XB80.

- Các vị trí giao nhau giữa các tuyến thiết kế nút giao cùng mức.

** Giải pháp thiết kế*

Quy mô mặt cắt được tính toán với mô đuyn chiều rộng 3,75 m/1 làn xe, phân chia thành các đường chính, phụ như sau:

Bố trí làm mới 02 loại đường trong khu quy hoạch với mặt cắt như sau:

+ ***Mặt cắt 1-1; 2-2***: Đường rộng 17,5m, lòng đường rộng 9,0m, vỉa hè hai bên một bên rộng 5,5m một bên rộng 3,0m.

+ ***Mặt cắt 3-3; 4-4; 5-5***: Đường rộng 20,0m, lòng đường rộng 9,0m, vỉa hè hai bên mỗi bên rộng 5,5m.

Vỉa hè các tuyến đường lát gạch rộng 1,5m tạo lối đi cho người đi bộ, ngoài ra kết hợp bố trí đèn chiếu sáng, trồng cây xanh và các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác.

9.2. Quy hoạch cấp điện

Nguồn cấp điện cho CCN được đấu nối từ đường dây 35KV lộ 372E4.9 đã được đầu tư xây dựng giai đoạn 1.

Điểm đấu nối cho 02 TBA cấp điện cho trung tâm điều hành, DVCC, chiếu sáng đèn đường, và các công trình HTKT khác của CCN được đấu nối từ đường dây 35KV sau khi xây dựng mới.

Các nhà máy, xí nghiệp tự đầu tư xây dựng trạm biến áp tuỳ thuộc vào quy mô công suất riêng.

Xây dựng 01 trạm biến áp công suất 250- 35/22/0.4kV, đặt tại nhà máy xử lý nước thải cấp điện cho hệ thống điện chiếu sáng đường và khu xử lý nước thải.

Xây dựng 01 trạm biến áp công suất 560- 35/22/0.4kV, đặt tại khu đất dịch vụ cấp điện cho khu điều hành, dịch vụ công nghiệp.

- Hệ thống chiếu sáng: Nguồn điện cấp chiếu sáng đi ngầm được lấy từ lộ ha áp của trạm biến áp xây dựng mới; Bố trí chiếu sáng một bên, khoảng cách đèn khoảng 30m-50m; Sử dụng đèn led cao áp, công suất 100-150W; Cột đèn sử dụng loại cột thép mạ kẽm nhúng nóng.

9.3. Quy hoạch cấp nước

- Dự kiến nguồn nước: Nguồn nước dự kiến được lấy từ đường ống cấp nước đã có HDPE-D400 cách khu vực quy hoạch 500m.

- Nhu cầu dùng nước: **2.701,51** m^3/ ngày đêm.

- Mạng lưới cấp nước cụm công nghiệp Bãi Ba 2 được thiết kế HDPE Φ160, Φ110 cấp nước đọc theo tuyến đường cụm công nghiệp. Đường ống cấp nước đặt bên dưới vỉa hè, độ sâu đặt ống trung bình 0,7 m (tính đến đỉnh ống).

QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500

Đường ống cấp nước đặt bên dưới vỉa hè, độ sâu đặt ống trung bình 0,7-1m. Trên dọc tuyến ống xây dựng các hố cấp nước vào từng nhà máy bao gồm các van chặn và đồng hồ nước.

9.4. Quy hoạch hệ thống thoát nước mặt

Hệ thống thoát nước mưa trong cụm công nghiệp là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn độc lập với hệ thống thoát nước thải.

- Tận dụng địa hình trong quá trình vạch mạng lưới thoát nước đảm bảo thoát nước triệt để trên nguyên tắc tự chảy.

Xây dựng rãnh thoát nước chạy dọc hai bên tuyến đường của Cụm công nghiệp, thu gom toàn bộ nước mưa chuyển về hệ thống thoát nước chung của khu vực. Xây dựng rãnh thoát nước có kích thước B600, B800, B1000, B1500 kết hợp cống hộp B2000, B2500 chạy dọc hai bên tuyến đường CCN.

9.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

Hệ thống thoát nước thải là hệ thống được xây dựng độc lập hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa và được xử lý tại khu trạm xử lý nước thải tập trung.

Nước thải trong các nhà máy sau khi xử lý sơ bộ đạt mức B theo theo QCVN 40: 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được xả vào hệ thống thu gom nước thải chung của cụm công nghiệp. Mạng lưới thu gom nước thải dùng ống nhựa HDPE. Các tuyến ống đi trên hè được đắp bằng cát đệm, riêng với đoạn ống đi dưới lòng đường có ống thép lồng.

Mạng lưới thoát nước thải dùng ống BTCT có đường kính D300mm – D500mm

*** Trạm xử lý nước thải:**

- Công xuất trạm xử lý nước thải 1.500 m^3/ngày.đêm.

- Nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn (cột A) QCVN 40-2011/BTNMT trước khi xả ra nguồn tiếp nhận là kênh thoát nước mưa, rồi ra Sông Hồng.

*** Quản lý chất thải rắn (CTR) và vệ sinh môi trường**

Lượng chất thải rắn của cụm công nghiệp dự kiến là: 7,51 tấn/ngày.

Trên các trục đường cần đặt các thùng rác công cộng có dung tích từ 150-300l với khoảng cách của các thùng rác từ 100m - 150m/1thùng để thuận tiện bỏ rác.

Toàn bộ khối lượng CTR được thu gom trong phạm vi dự án sẽ được tập kết về điểm trung chuyển CTR. Tại đây, CTR được phân loại và xử lý sơ bộ trước khi được chuyển về điểm xử lý CTR tập trung theo quy định.

9.6. Quy hoạch san nền

Thiết kế san nền theo phương pháp đường đồng mức thiết kế. Độ dốc mái nền thiết kế i ≥0,004, đảm bảo thoát nước tự chảy.

Cao độ san nền phù hợp với cao độ khu vực lân cận; Cao độ thấp nhất: +22,3 m; Cao độ san nền cao nhất: +34,73 m.

Vật liệu đắp nền là đất đắp, độ chặt yêu cầu k=0,90.

9.7. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

Tổng số thuê bao viễn thông là 360 thuê bao, dự kiến đặt tổng đài 360 số tại khu đất công cộng dịch vụ, xây dựng các tuyến cáp quang đến các tủ 50, 60 thuê bao.

Dọc trên các tuyến đường CCN, thiết kế hệ thống ống PVC đặt trên vỉa hè. Trên tuyến đường chính bố trí 2 ống PVC D110 đặt song song.

10. Nguồn vốn và khái toán kinh phí xây dựng:

- Nguồn vốn: Vốn tự có của Nhà đầu tư và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

- Tổng mức đầu tư dự kiến là: 450, 5 tỷ đồng (Bốn trăm năm mươi tỷ, năm trăm triệu đồng).

11. Giải pháp tổ chức tái định cư.

- Cần có các giải pháp đền bù và tái định cư cho các hộ dân phải giải tỏa khi thực hiện dự án.

12. Hạng mục ưu tiêu đầu tư và nguồn lực thực hiện.

12.1.Hạng mục ưu tiên đầu tư.

Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu vực bao gồm: San nền, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước, cấp điện, các tuyến đường giao thông.

12.2. Tiến độ thực hiện.

- Quý IV/2021: Lập quy hoạch chi tiết, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và thực hiện hoàn thiện thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án.

- Quý I/2022 ÷ quý IV/2023: Thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng, thực hiện các thủ tục liên quan đến lĩnh vực xây dựng và thực hiện đầu tư xây dựng các công trình, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và đưa dự án vào hoạt động.

13. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch: Ban hành kèm theo quyết định này.

Điều 2.Tổ chức thực hiện: Công ty TNHH xây dựng Tự Lập chủ trì phối hợp đơn vị tư vấn và các đơn vị có liên quan tổ chức công bố công khai quy hoạch được duyệt và chịu trách nhiệm về quản lý quy hoạch, kiến trúc và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch; Công ty TNHH xây dựng Tự Lập; Chủ tịch UBND xã Chí Tiên, Chủ tịch UBND xã Son Cương và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thực hiện. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Sở Xây dựng (b/c);
- CT, PCT UBND huyện;
- Phòng KT&HT, TN & MT;
- Lưu: VT, KT&HT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Xuân Hoàn

QUYẾT ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

Số:206 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 29 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ

(Cấp lần đầu: Ngày 25 tháng 10 năm 2021)
(Điều chỉnh lần thứ 01: Ngày 29 tháng 01 năm 2024)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương số 2718/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư và hồ sơ kèm theo của Công ty TNHH xây dựng Tự Lập;

Xét Báo cáo thẩm định số 08/BC-SKHĐT ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của Dự án: Cụm công nghiệp Bãi Ba 2, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ của Công ty TNHH xây dựng Tự Lập *(đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2021)*, với nội dung điều chỉnh như sau:

1. Điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án quy định tại Khoản 8 Điều 1 Quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh:

Tiến độ thực hiện dự án: Thực hiện các thủ tục về đầu tư, đất đai, xây dựng, thu hút đầu tư và các quy định khác có liên quan; đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng cụm công nghiệp xong trước ngày 31/12/2025, cụ thể:

- Hoàn thiện hạ tầng khu tái định cư xong trước ngày 30/6/2024;
- Hoàn thiện công trình xử lý nước thải xong trước ngày 30/9/2024;
- Hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng xong trước ngày 30/9/2024;
- Hoàn thiện hạ tầng đồng bộ cụm công nghiệp xong trước ngày 31/12/2025.
- Thu hút nhà đầu tư thứ cấp, lấp đầy 100% cụm công nghiệp xong trước ngày 31/12/2026.

2. Các nội dung khác không đề cập, thực hiện theo Quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Nhà đầu tư:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ điều chỉnh dự án đầu tư và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; chịu mọi hậu quả phát sinh theo quy định của pháp luật hiện hành nếu không thực hiện báo cáo hay báo cáo sai sự thực.

- Xây dựng Kế hoạch chi tiết thực hiện dự án (nội dung công việc, thời gian cụ thể thực hiện: Giải phóng mặt bằng; xây dựng hạ tầng; thu hút đầu tư); báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh để có cơ sở theo dõi, đôn đốc, đánh giá tiến độ dự án. Triển khai dự án bảo đảm đúng tiến độ, nội dung đã cam kết; trong quá trình triển khai cần tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về đầu tư, quy hoạch, đất đai, xây dựng, môi trường, giao thông, phòng cháy chữa cháy, về sinh an toàn lao động, quản lý, phát triển cụm công nghiệp và các vấn đề khác liên quan đến việc triển khai dự án.

- Nhà đầu tư phải thực hiện đúng các nội dung tại Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét thu hồi Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, chấm dứt hoạt động của dự án của nhà đầu tư và không hoàn trả bất kỳ khoản chi phí nào đã đầu tư vào dự án của nhà đầu tư trong các trường hợp: Không hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động theo đúng tiến độ được cấp có thẩm quyền chấp thuận; thực hiện dự án không đúng, không đầy đủ nội dung cam kết; không thực hiện đúng quy định tại Quyết định thành lập cụm công nghiệp Bãi Ba 2, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư và các quy định khác có liên quan. Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ không xem xét đề nghị điều chỉnh tiến độ, phân kỳ đầu tư và chuyển nhượng dự án nếu không đáp ứng các điều kiện theo quy định về lĩnh vực đầu tư, đất đai và các quy định khác có liên quan.

2. Trách nhiệm của các sở, ngành, đơn vị có liên quan:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm về số liệu, thông tin và kết quả thẩm định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án. Các sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Cục Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Thanh Ba chịu trách nhiệm về ý kiến thẩm định theo lĩnh vực quản lý và ý kiến không phản đối về chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án.

- Các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Công an tỉnh; Cục thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thanh Ba; Công ty TNHH xây dựng Tự Lập và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

- Ủy ban nhân dân huyện Thanh Ba phối hợp với nhà đầu tư xây dựng Kế hoạch bồi thường giải phóng mặt bằng; thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, thu hồi chuyển mục đích và giao đất đảm bảo dự án hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng xong trước ngày 30/9/2024; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành, đơn vị liên quan (để theo dõi, đôn đốc); triển khai Kế hoạch đảm bảo đúng tiến độ.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân huyện Thanh Ba và các đơn vị liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hỗ trợ nhà đầu tư trong việc thực hiện; theo dõi, giám sát, xúc tiến đầu tư, thu hút các dự án đầu tư thứ cấp vào Cụm công nghiệp đảm bảo đúng mục tiêu, ngành nghề thu hút.

- Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành; Ủy ban nhân dân huyện Thanh Ba thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện Dự án; định kỳ ngày 25 của tháng cuối mỗi quý, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện dự án, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị liên quan; nếu có khó khăn, vướng mắc phải đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo kịp thời.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và là một bộ phận không tách rời của Quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Công an tỉnh; Cục thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thanh Ba; Công ty TNHH xây dựng Tự Lập và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được cấp cho Công ty TNHH xây dựng Tự Lập (01 bản); 01 bản được lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư; 01 bản được lưu tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- CT, PCT Nguyễn Thanh Hải;
- CVP, PCVP TH;
- TTHCC;
- Các CV: XD1, TN2, CT3;
- Lưu: VT, GT1, CT1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Hải

VĂN BẢN PHÁP LÝ THÀNH LẬP VÀ NGÀNH NGHỀ THU HÚT

GIẤY CHỨNG NHẬN NHÀ ĐẦU TƯ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Số: 1168188888 - Ngày 22 tháng 02 năm 2024

UBND TỈNH PHÚ THỌ
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ
Mã số dự án: 1168188888

Chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2021
Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 01: ngày 22 tháng 02 năm 2024

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 2718/QĐ-UBND ngày 23/10/2021, Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 206/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1168188888 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 23/10/2021;

Căn cứ Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 07/03/2016; Quyết định số 45/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016; Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Kế hoạch và Đầu tư;

Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh dự án của nhà đầu tư.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH PHÚ THỌ

Chứng nhận: Dự án Cụm công nghiệp Bãi Ba 2, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ; Mã số dự án 1168188888 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Phú Thọ cấp chứng nhận lần đầu ngày 23/10/2021 được đăng ký điều chỉnh: Tiến độ thực hiện dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư: Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600251062 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp đăng ký lần đầu ngày 14/08/2001; đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 18/3/2022. Địa chỉ trụ sở chính: số 3010 đường Hùng Vương, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Thông tin về người đại diện theo pháp luật:

Ông Nguyễn Văn Thòa; Chức danh: Giám đốc; Sinh ngày: 09/7/1970; Quốc tịch: Việt Nam; Chứng minh nhân dân số: 130941763; Ngày cấp: 22/7/2009; Nơi cấp: Công an tỉnh Phú Thọ; Địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện tại: Khu Đồng Nhà Lạnh, thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án: Cụm Công nghiệp Bãi Ba 2, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

2. Địa điểm thực hiện: Xã Sơn Cương và xã Chí Tiên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

3. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 749.800 m^2 (74,98 ha).

4. Quy mô đầu tư:

- Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ trên tổng diện tích 74,98 ha, đảm bảo kết nối thuận lợi giữa hệ thống các hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài cụm công nghiệp, bao gồm các hạng mục: Các công trình giao thông nội bộ, vỉa hè, cây xanh, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải tập trung, hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, nhà điều hành, bảo vệ và các công trình khác phục vụ hoạt động của cụm công nghiệp.

- Ngành nghề hoạt động: Ưu tiên thu hút các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh vào cụm công nghiệp có công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng; Nhóm các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, bao gồm: Dược phẩm; Sản xuất, chế biến thực phẩm; Sản xuất đồ uống; Dệt (trừ các sản phẩm tẩy, nhuộm); Sản xuất trang phục; Sản xuất sản phẩm từ các loại da thành phẩm; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa; Sản xuất giường, tủ, bàn ghế...; In sao bản ghi các loại; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (Trừ sản xuất thuỷ tinh, xi măng, vôi); Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn; Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; Sản xuất thiết bị điện; Sản xuất máy móc, thiết bị; Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ôtô, xe máy và xe có động cơ khác. Nhóm các ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí. Các ngành công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp công nghệ cao.

5. Tổng vốn đầu tư: 450,5 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư: 210,5 tỷ đồng, đạt 46,7% tổng vốn đầu tư.
- Vốn huy động hợp pháp khác: 240 tỷ đồng, đạt 53,3% tổng vốn đầu tư.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 49 năm.

7. Tiến độ thực hiện dự án:

a. Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Vốn góp: hoàn thành theo tiến độ thực hiện dự án.
- Vốn huy động: hoàn thành theo tiến độ thực hiện dự án.

b. Tiến độ thực hiện dự án: Thực hiện các thủ tục về đầu tư, đất đai, xây dựng, thu hút đầu tư và các quy định khác có liên quan; đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng cụm công nghiệp xong trước ngày 31/12/2025, cụ thể: Hoàn thiện hạ tầng khu tái định cư xong trước ngày 30/6/2024; Hoàn thiện công trình xử lý nước thải xong trước ngày 30/9/2024; Hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng xong trước ngày 30/9/2024; Hoàn thiện hạ tầng đồng bộ cụm công nghiệp xong trước ngày 31/12/2025; Thu hút nhà đầu tư thứ cấp, lấp đầy 100% cụm công nghiệp xong trước ngày 31/12/2026.

8. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

- Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Ưu đai về thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, nhập khẩu.

- Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ điều chỉnh dự án đầu tư và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; chịu mọi hậu quả pháp sinh theo quy định của pháp luật hiện hành nếu không thực hiện báo cáo hay báo cáo sai sự thực.

- Xây dựng Kế hoạch chi tiết thực hiện dự án (nội dung công việc, thời gian cụ thể thực hiện: Giải phóng mặt bằng; xây dựng hạ tầng; thu hút đầu tư). Triển khai dự án bảo đảm đúng tiến độ, nội dung đã cam kết; trong quá trình triển khai cần tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về đầu tư, quy hoạch, đất đai, xây dựng, môi trường, giao thông, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh an toàn lao động, quản lý, phát triển cụm công nghiệp và các vấn đề khác liên quan đến việc triển khai dự án; Cam kết đảm bảo đủ nguồn vốn để thực hiện dự án.

- Nhà đầu tư phải thực hiện đúng các nội dung tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ xem xét chấm dứt hoạt động của dự án của Nhà đầu tư trong các trường hợp: Không hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động theo đúng tiến độ; thực hiện dự án không đúng, không đầy đủ nội dung cam kết, quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các quy định có liên quan.

- Nghiêm chỉnh thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện dự án theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1168188888 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Phú Thọ cấp chứng nhận lần đầu ngày 23/10/2021.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 *(hai)* bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Phú Thọ và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:
Như điều 5;
Lưu: TĐ&QLDADT.

GIÁM ĐỐC

Trịnh Thế Truyền

VĂN BẢN PHÁP LÝ VỀ MÔI TRƯỜNG

QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 693 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Cụm công nghiệp Bãi Ba 2, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ" tại xã Sơn Cương và xã Chí Tiên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét Văn bản số 79/TL-BDA ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Cụm công nghiệp Bãi Ba 2, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ" và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Cụm công nghiệp Bãi Ba 2, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ" (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập (sau đây gọi là Chủ dự án) được thực hiện tại xã Sơn Cương và xã Chí Tiên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- PTTgCP, Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập;
- UBND tỉnh Phú Thọ;
- Sở TN&MT tỉnh Phú Thọ;
- Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường;
- Lưu: VT, VPMC, MT (K).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN "CỤM CÔNG NGHIỆP BÃI BA 2, HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ"

(Ban hành kèm theo Quyết định số 693 /QĐ-BTNMT ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Cụm công nghiệp Bãi Ba 2, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.
- Địa điểm thực hiện: xã Sơn Cương và xã Chí Tiên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.
- Chủ dự án: Công ty TNHH Xây dựng Tự Lập.
- Địa chỉ liên hệ: Số 3010 đường Hùng Vương, phường Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

1.2. Phạm vi, quy mô của Dự án

1.2.1. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Bãi Ba 2 trên tổng diện tích 749.800 m^2, thuộc xã Sơn Cương và xã Chí Tiên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Toạ độ các điểm khống chế theo hệ toạ độ VN2000 kinh tuyến trục 104°45' múi chiếu 3° như sau:

TT	Tên đỉnh	Toạ độ VN 2000	
		X (m)	Y (m)
1	D1	2371530,718	542384,338
2	D2	2371685,824	542900,922
3	D3	2371223,031	542713,923
4	D4	2371348,960	542402,626
5	D5	2370663,852	542125,479
6	D6	2370406,623	542827,986
1	D1	2371530,718	543284,338

1.2.2. Ngành nghề thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp:

- Sản xuất, chế biến thực phẩm (mã C10).
- Sản xuất đồ uống (mã C110).
- Dệt (trừ các sản phẩm tẩy, nhuộm) (mã C13).
- Sản xuất trang phục (mã C14).
- Sản xuất sản phẩm từ các loại da thành phẩm (mã C151).
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (mã C16).
- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế (mã C3100).
- In sao bản ghi các loại (mã C18).
- Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (mã C22).
- Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (trừ sản xuất thuỷ tinh, xi măng, vôi) (mã C239).

- Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (mã C25).
- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học (mã C26).
- Sản xuất thiết bị điện (mã C27).
- Sản xuất máy móc, thiết bị (mã C28).
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ôtô, xe máy và xe có động cơ khác (mã C29, C30).
- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí (mã D35).
- Các ngành công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp công nghệ cao; công nghiệp chế biến, chế tạo khác thân thiện với môi trường.

Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm: (1) các hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng; (2) khai thác vật liệu san lấp và vật liệu xây dựng.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

- Đất công nghiệp kho tàng diện tích 570.899,3 m^2.
- Đất hành chính và dịch vụ công cộng diện tích 10.314,5 m^2.
- Đất hạ tầng kỹ thuật diện tích 12.472,3 m^2.
- Đất cây xanh diện tích 79.028,7 m^2.
- Đất giao thông diện tích 77.085,2 m^2.
- Và một số hạng mục, công trình phụ trợ khác.
- Hoạt động thu dọn mặt bằng, thi công, đào đắp và thi công các hạng mục công trình xây dựng của Dự án; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, phế thải,...
- Hoạt động của các công ty, nhà máy, xí nghiệp thứ cấp trong Cụm công nghiệp.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 2 vụ trở lên (diện tích 167.956,7 m^2) theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đất đai.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động phát quang thảm thực vật chuẩn bị mặt bằng khu vực Dự án phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn thông thường, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.
- Hoạt động thi công san nền, thi công hạ tầng giao thông, hạ tầng kỹ thuật của Cụm công nghiệp và các hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, phế thải phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, rác thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường (đất đá thải, sinh khối phát sinh trong quá trình thi công xây dựng), chất thải nguy hại.

2.2. Giai đoạn hoạt động

- Hoạt động của các công ty, nhà máy, xí nghiệp thứ cấp trong Cụm công nghiệp phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung, mùi hôi, bùn thải phát sinh từ Trạm xử lý nước thải tập trung.

- Chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động của khu vực nhà điều hành Cụm công nghiệp.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

3.1.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động sinh hoạt của các cán bộ công nhân và nhân viên phục vụ thi công xây dựng Dự án phát sinh nước thải sinh hoạt với khối lượng khoảng 4,5m^3/ngày đêm. Thành phần chủ yếu bao gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật,...

- Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa xe khoảng 4,65m^3/ngày đêm. Thành phần chủ yếu bao gồm các chất lơ lửng (TSS), váng dầu mỡ,...

3.1.1.2. Giai đoạn vận hành

Tổng lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của Cụm công nghiệp (bao gồm nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà điều hành Cụm công nghiệp, khu vực xử lý nước thải và các nhà đầu tư thứ cấp) khoảng 1.194 m^3/ngày đêm, bao gồm:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 280,6 m^3/ngày đêm. Thành phần chủ yếu bao gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD_5/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật,...

- Nước thải sản xuất phát sinh khoảng 1.141,8 m^3/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là BOD_5, COD, tổng N, tổng P, amoni, chất rắn lơ lửng, vi sinh vật, kim loại nặng, dầu mỡ khoáng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

3.1.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phát quang mặt bằng tại khu vực Dự án (74,98 ha). Thành phần chủ yếu gồm bụi, SO_2, NO_x, CO, VOC_s,…

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các máy móc, phương tiện, thiết bị phục vụ thi công xây dựng Dự án. Thành phần chủ yếu gồm bụi, SO_2, NO_x, CO, VOC_s,…

3.1.2.2. Giai đoạn vận hành

- Bụi và khí thải phát sinh từ các hoạt động của các nhà máy trong Cụm công nghiệp. Thành phần chủ yếu gồm bụi, khí SO_2, NO_x, CO, các hợp chất hữu cơ bay hơi,…

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong phạm vi Cụm công nghiệp. Thành phần chủ yếu gồm bụi, khí CO, CO_2, SO_2, VOC_s, NO_x,...

- Bụi, khí thải và mùi hôi phát sinh từ quá trình hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung, kho chứa chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường. Thành phần chủ yếu gồm mùi hôi, khí H_2S, CH_4 từ quá trình phân hủy kỵ khí các chất hữu cơ,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

3.2.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng có khối lượng khoảng 30 - 50 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm các loại bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

- Lượng đất hữu cơ (đất yếu) bóc bỏ ước tính khoảng 804.856,44 m^3.

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh khoảng 2,57 tấn/ngày. Thành phần chủ yếu gồm vật liệu rơi vãi, đất, đá, cát, gạch vỡ, bê tông thừa, vỏ bao bì, xà bần, ...

3.2.1.2. Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn công nghiệp và chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt, ăn uống của cán bộ, công nhân viên làm việc tại các nhà máy trong Cụm công nghiệp, khu điều hành Cụm công nghiệp phát sinh khoảng 2.887,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm vỏ đồ hộp, pallet, giấy báo, bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp khoảng 142,5 kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

3.2.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công Dự án với tổng khối lượng khoảng 100 kg/tháng. Thành phần chủ yếu bao gồm dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, bao bì đựng phụ gia xây dựng, bao bì đựng sơn,…

3.2.2.2. Giai đoạn vận hành

- Chất thải nguy hại phát sinh khu vực hành chính, dịch vụ và hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp khoảng 30 kg/tháng. Thành phần chủ yếu bao gồm giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang thải, vỏ bao bì thải,...

- Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất của các nhà máy trong Cụm công nghiệp. Thành phần chủ yếu bao gồm bóng đèn huỳnh quang thải; giẻ lau dính dầu mỡ trong quá trình sửa chữa máy móc sản xuất; bao

bì đựng hóa chất thải; các dịch thải từ quá trình dệt, nhuộm vải; dầu bóng, dầu công nghiệp thải, cặn sơn,…

3.3. Tiếng ồn và độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện, máy móc, thiết bị thi công xây dựng Dự án và phương tiện vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu và thành phẩm trong phạm vi Cụm công nghiệp.

- Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động các công ty, nhà máy, xí nghiệp thứ cấp trong Cụm công nghiệp.

3.4. Các tác động khác

3.4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng tới đến hoạt động giao thông đường bộ và có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông,…

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất trật tự an ninh xã hội khu vực Dự án.

- Bom mìn tồn lưu trong khu vực Dự án.

3.4.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động sản xuất của Nhà máy có thể xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy nổ, sự cố rò rỉ hóa chất, sự cố các công trình xử lý chất thải,...

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung phát sinh khoảng 142,5 kg/ngày phải được phân tích xác định ngưỡng chất thải nguy hại.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

4.1.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động, dung tích bể chứa khoảng 5 m^3/1 nhà vệ sinh để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại công trường xây dựng; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

Quy trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt → Nhà vệ sinh di động → Hút, vận chuyển, xử lý.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa xe, nước thải thi công được thu gom và xử lý bằng phương pháp lắng (02 hố lắng dung tích 9 m^3/hố), sau đó thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực. Bùn đất, cát tại hố lắng được nạo vét và thuê các đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý cùng chất thải thi công theo đúng quy định. Váng dầu mỡ, vật liệu hấp phụ dầu được thu gom, lưu chứa tại kho chất thải nguy hại tạm thời của Dự án; định kỳ thuê đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý theo quy định.

Nước rửa xe → Hố lắng → Tách dầu → Lắng cặn → Thoát ra hệ thống thoát nước hiện trạng ngòi tiêu Cầu Dần → Sông Thao.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom và xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt và nước thải thi công xây dựng phát sinh đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.1.1.2. Giai đoạn vận hành

Toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành của Cụm công nghiệp (bao gồm cả nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp) được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp công suất 1.500 m^3/ngày đêm (02 module, mỗi module có công suất 750 m^3/ngày đêm) để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Quy trình xử lý nước thải: Nước thải từ hệ thống thu gom của Cụm công nghiệp → Bể thu gom → Bể tách mỡ → Bể điều hòa → Cụm bể hóa lý (bể điều chỉnh pH, bể keo tụ, bể tạo bông) → Bể lắng 1 → Bể anoxic → Bể oxic → Bể lắng 2 → Bể khử trùng → Mương quan trắc. Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với các hệ số K_q = 0,9; K_f = 1,0 → Ngòi tiêu Cầu Dần → Sông Thao (toạ độ xả thải: X (m) = 2371239,64; Y (m) = 542378,42).

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp được thu gom, được tách bớt ẩm và làm khô bằng máy ép bùn và lưu trữ tạm tại công trình nhà đặt máy ép bùn và sân phơi diện tích 300 m^2. Bùn thải này phải được lấy mẫu phân tích để xác định ngưỡng nguy hại theo QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước; quản lý và xử lý theo loại chất thải tương ứng theo đúng quy định.

- Lắp đặt và vận hành 01 hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục tại điểm xả nước thải sau xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận đối với các thông số lưu lượng (đầu vào, đầu ra), pH, nhiệt độ, COD, chất rắn lơ lửng, amoni. Dữ liệu được kết nối để truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ theo quy định.

- Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của các nhà đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp: Các nhà máy, xí nghiệp trong Cụm công nghiệp phải xử lý sơ bộ nước thải phát sinh đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B và đấu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành Dự án đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn

kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với các hệ số K_q = 0,9; K_f = 1,0 trước khi thải ra ngòi tiêu Cầu Dần rồi chảy ra sông Thao.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

4.1.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập kế hoạch tổ chức thi công như các biện pháp thi công, biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, bố trí kho, bãi nguyên vật liệu.

- Lập hàng rào bằng tôn cao 2 - 3m xung quanh khu vực công trường thi công; chỉ sử dụng những phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo thi công tới đâu sạch tới đó; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường; lắp đặt hệ thống rửa phương tiện tại công trường, tất cả các xe đều được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường.

- Tưới nước tạo độ ẩm tại những khu vực phát sinh nhiều bụi với tần suất 2 lần/ngày.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân như khẩu trang, mũ, ủng, quần áo bảo hộ lao động trong khi làm việc để bảo đảm an toàn và sức khỏe cho người công nhân lao động.

4.1.2.2. Giai đoạn vận hành

- Chỉ sử dụng phương tiện vận tải có nguồn gốc, đã được đăng kiểm; bố trí nhân lực tại các chốt để điều phối giao thông trong phạm vi của Cụm công nghiệp; yêu cầu các phương tiện tắt động cơ khi dừng đỗ trong phạm vi của Cụm công nghiệp.

- Yêu cầu mỗi nhà máy sản xuất trong Cụm công nghiệp phải có những biện pháp, công trình xử lý bụi, khí thải phù hợp với đặc thù sản xuất đảm bảo quy định hiện hành; thực hiện giám sát chất lượng không khí khu vực sản xuất, chất lượng khí thải sau xử lý theo đúng tần suất đã cam kết của từng nhà máy.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để kiểm soát và giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

- Thường xuyên chuyển giao chất thải sinh hoạt tại khu lưu chứa cho đơn vị chức năng để xử lý.

- Trồng cây xanh xung quanh và các công trình công cộng trong phạm vi dự án, đảm bảo diện tích và mật độ cây xanh theo quy định.

4.1.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng và vận hành; đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường và QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường

4.2.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thu gom toàn bộ khối lượng đất cát, chất thải thực bì, cây có phát sinh từ hoạt động dọn dẹp mặt bằng và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định. Tần suất: thường xuyên.

- Tận dụng một phần đất đá, gạch ngói, bê tông, phế liệu,... phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng để phục vụ quá trình thi công, xây dựng; phần không sử dụng phải thu gom, vận chuyển, đổ thải tại các bãi đổ thải đất đá thải dư thừa sau khi được chính quyền địa phương chấp thuận các địa điểm đổ thải này. Tần suất: thường xuyên.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên phục vụ Dự án được thu gom vào 06 thùng rác có nắp đậy và hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.1.2. Giai đoạn vận hành

- Bố trí các thùng chứa rác (loại dung tích 50 lít) trên các tuyến đường, khu công trình công cộng, công trình phụ trợ của Cụm công nghiệp để thu gom tất cả các chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn hoạt động, ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực trên, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Yêu cầu các nhà máy trong Cụm công nghiệp phải thực hiện nghiêm túc việc thu gom, phân loại chất thải và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý các loại chất thải sinh hoạt và chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan; phối hợp với chính quyền địa phương xác định vị trí đổ đất đá thải trước khi thực hiện thi công và chỉ được phép đổ thải vào các vị trí thỏa thuận khi được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

4.2.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, chứa trong các thùng chứa loại dung tích 150 lít/thùng có dán mã chất thải nguy hại tương ứng và lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại tạm thời trên công trường diện tích 40 m^2. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

4.2.2.2. Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu chứa trong các thùng chứa có dán mã chất thải nguy hại tương ứng, lưu chứa tại khu nhà chứa chất

thải diện tích 40 m^2. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

4.2.2.3. Quy định áp dụng: Thu gom, xử lý các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Lắp dựng hàng rào bằng tôn xung quanh khu vực công trường thi công, các vị trí thi công gần các khu/điểm dân cư và các đối tượng nhạy cảm khác; bảo đảm các phương tiện vận chuyển luôn chở đúng tải trọng cho phép; sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, đã được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; bố trí nhân sự tại các chốt để điều tiết giao thông trong phạm vi Cụm công nghiệp; yêu cầu các phương tiện phải tắt máy khi dừng đỗ trong phạm vi Cụm công nghiệp.

- Trồng cây xanh đảm bảo diện tích tối thiểu theo quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Tính toán thiết kế hệ thống xử lý nước thải tập trung và lắp đặt các thiết bị dự phòng để kịp thời khắc phục khi có sự cố; xây dựng 02 hồ sự cố với dung tích chứa 750 m^3/hồ đảm bảo khả năng chứa nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố. Nước thải được bơm ngược trở lại để tiếp tục được xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu chứa chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố rò rỉ, các khu vực lưu giữ được lắp các biển cảnh báo theo quy định.

4.4.3. Các công trình, biện pháp khác

- Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất: Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất và hỗ trợ đào tạo nghề đề xuất trong phương án bồi thường, hỗ trợ; chỉ triển khai thực hiện dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật tại các khu vực triển khai thi công; nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

- Thực hiện công tác rà phá bom mìn tồn lưu trong toàn bộ khu vực Dự án trước khi triển khai thi công xây dựng Dự án.

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến giao thông trong giai đoạn thi công: Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông công cộng trong quá trình thi công, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trước khi triển khai thi công; dựng hàng rào trong phạm vi không gian và thời gian cho phép; lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông được biết; bố trí nhân sự phối hợp với cảnh sát giao thông khu vực để hướng dẫn phân luồng tại khu vực thi công trong suốt thời gian thi công.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Trang bị đầy đủ hệ thống cảnh báo cháy tại các khu vực nhà điều hành, công trình công cộng, công trình phụ trợ của Cụm công nghiệp; mỗi nhà máy phải tự lắp đặt đầy đủ hệ thống phòng cháy chữa cháy riêng theo đặc thù sản xuất; tính toán, thiết kế, xây dựng, lắp đặt các phương tiện, lối thoát hiểm ở nhà xưởng và các công trình; ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn; quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy; thường xuyên tổ chức tập huấn nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và bố trí lực lượng thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ; lập phương án phòng cháy và chữa cháy trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng; trang bị máy bơm lưu động chống ngập úng.

- Xây dựng và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

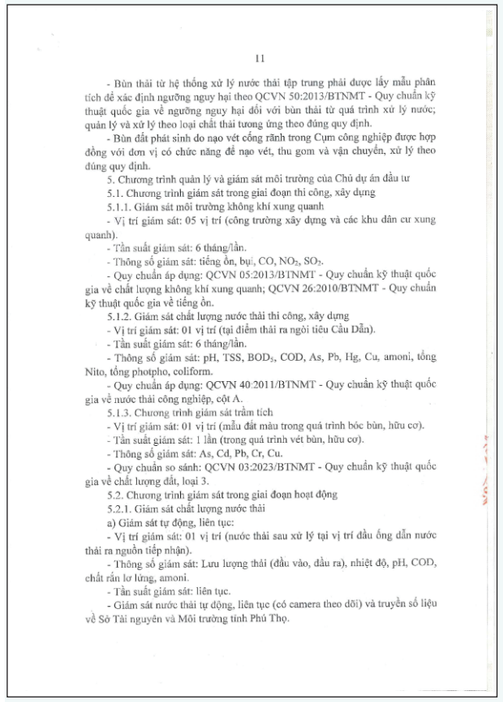

11

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung phải được lấy mẫu phân tích để xác định ngưỡng nguy hại theo QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước; quản lý và xử lý theo loại chất thải tương ứng theo đúng quy định.

- Bùn đất phát sinh do nạo vét cống rãnh trong Cụm công nghiệp được hợp đồng với đơn vị có chức năng để nạo vét, thu gom và vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình giám sát trong giai đoạn thi công, xây dựng

5.1.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 05 vị trí (công trường xây dựng và các khu dân cư xung quanh).

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

- Thông số giám sát: tiếng ồn, bụi, CO, NO_2, SO_2.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.1.2. Giám sát chất lượng nước thải thi công, xây dựng

- Vị trí giám sát: 01 vị trí (tại điểm thải ra ngòi tiêu Cầu Dẫn).

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

- Thông số giám sát: pH, TSS, BOD_5, COD, As, Pb, Hg, Cu, amoni, tổng Nitơ, tổng photpho, coliform.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A.

5.1.3. Chương trình giám sát trầm tích

- Vị trí giám sát: 01 vị trí (mẫu đất mùn trong quá trình bóc bùn, hữu cơ).

- Tần suất giám sát: 1 lần (trong quá trình vét bùn, hữu cơ).

- Thông số giám sát: As, Cd, Pb, Cr, Cu.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất, loại 3.

5.2. Chương trình giám sát trong giai đoạn hoạt động

5.2.1. Giám sát chất lượng nước thải

a) Giám sát tự động, liên tục:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí (nước thải sau xử lý tại vị trí đầu ống dẫn nước thải ra nguồn tiếp nhận).

- Thông số giám sát: Lưu lượng thải (đầu vào, đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, chất rắn lơ lửng, amoni.

- Tần suất giám sát: liên tục.

- Giám sát nước thải tự động, liên tục (có camera theo dõi) và truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ.

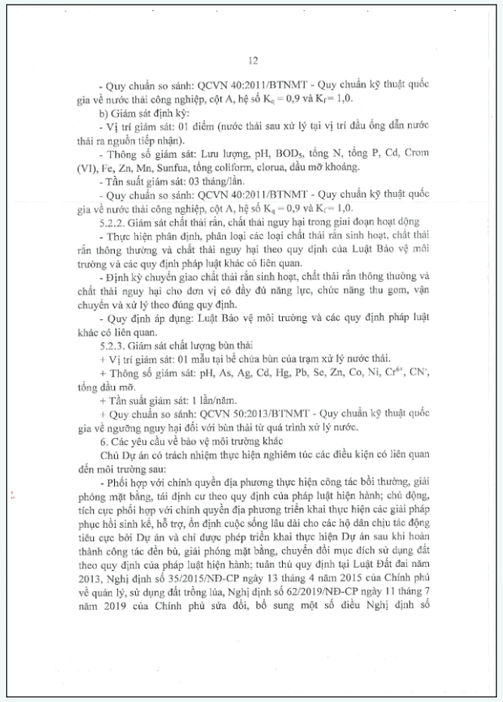

12

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$.

b) Giám sát định kỳ:

- Vị trí giám sát: 01 điểm (nước thải sau xử lý tại vị trí đầu ống dẫn nước thải ra nguồn tiếp nhận).

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD_5, tổng N, tổng P, Cd, Crom (VI), Fe, Zn, Mn, Sunfua, tổng coliform, clorua, dầu mỡ khoáng.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$.

5.2.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại trong giai đoạn hoạt động

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5.2.3. Giám sát chất lượng bùn thải

+ Vị trí giám sát: 01 mẫu tại bể chứa bùn của trạm xử lý nước thải.

+ Thông số giám sát: pH, As, Ag, Cd, Hg, Pb, Se, Zn, Co, Ni, Cr^{6+}, CN^-, tổng dầu mỡ.

+ Tần suất giám sát: 1 lần/năm.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các điều kiện có liên quan đến môi trường sau:

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án và chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành; tuân thủ quy định tại Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số

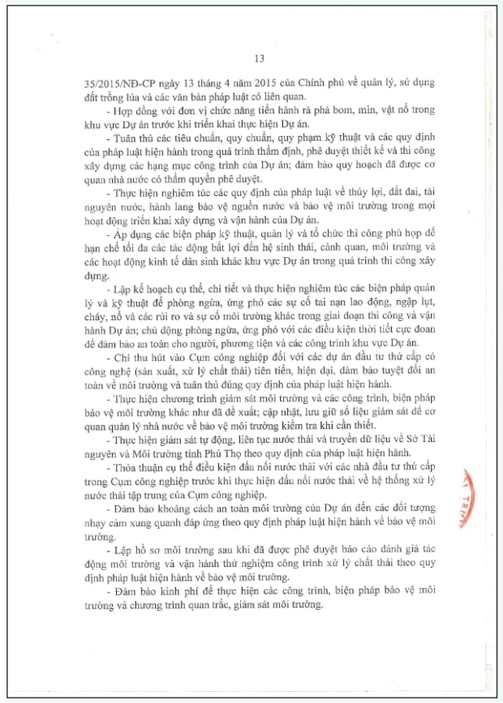

13

35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom, mìn, vật nổ trong khu vực Dự án trước khi triển khai thực hiện Dự án.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án; đảm bảo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về thủy lợi, đất đai, tài nguyên nước, hành lang bảo vệ nguồn nước và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động triển khai xây dựng và vận hành của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác khu vực Dự án trong quá trình thi công xây dựng.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn lao động, ngập lụt, cháy, nổ và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực Dự án.

- Chỉ thu hút vào Cụm công nghiệp đối với các dự án đầu tư thứ cấp có công nghệ (sản xuất, xử lý chất thải) tiên tiến, hiện đại, đảm bảo tuyệt đối an toàn về môi trường và tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Thực hiện giám sát tự động, liên tục nước thải và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thỏa thuận cụ thể điều kiện đấu nối nước thải với các nhà đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp trước khi thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

- Đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường của Dự án đến các đối tượng nhạy cảm xung quanh đáp ứng theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Lập hồ sơ môi trường sau khi đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo kinh phí để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường.

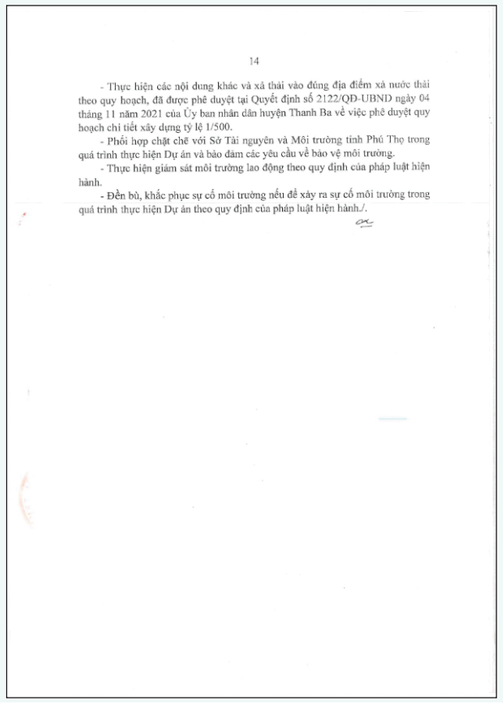

14

- Thực hiện các nội dung khác và xả thải vào đúng địa điểm xả nước thải theo quy hoạch, đã được phê duyệt tại Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Thanh Ba về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ trong quá trình thực hiện Dự án và bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện giám sát môi trường lao động theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật hiện hành./.

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ XÂY DỰNG

Loại công trình được xây dựng	*Nhà xưởng, nhà kho, nhà điều hành, nhà ăn công nhân và các công trình phụ trợ (Nhà để xe, nhà bảo vệ, trạm điện, bể nước PCCC)*
Loại công trình cấm xây dựng	*Xây nhà ở, công trình khai thác nước ngầm*
Mật độ xây dựng	**60%**
Mật độ cây xanh	**20%**

GIÁ THUÊ VÀ PHÍ TIỆN ÍCH

***Ghi chú:** Tất cả các đơn giá trên là chưa bao gồm VAT theo quy định tại thời điểm hiện hành của đơn vị cung cấp*

Giá thuê đất đã có cơ sở hạ tầng	*Tùy theo vị trí và diện tích lô đất thuê*
Phí DVCN và bảo dưỡng cơ sở hạ tầng	*9.000 đ/m²/năm (0,37 USD/m²/năm) – Thanh toán hàng năm*
Giá điện *(Cấp điện áp từ 22KV đến dưới 110KV) theo Quyết định số 2941/QĐ-BCT ngày 09/11/2023 của Bộ Công Thương)*	*(1) Giờ bình thường: 1.699 đ/Kwh (tương đương 0,07 USD/Kwh)* *(Từ thứ 2 đến thứ 7: 4h-9h30', 11h30- 17h và 20h – 22h; Chủ nhật: 4h – 22h)* *(2) Giờ thấp điểm: 1.084 đ/Kwh (tương đương 0,045 USD/Kwh)* *(Tất cả các ngày trong tuần từ 22h – 4h)* *(3) Giờ cao điểm: 3.093 đ/Kwh (tương đương 0,127 USD/Kwh)* *(Từ thứ 2 đến thứ 7: 9h30'- 11h30' và 17h – 20h; Chủ nhật không có giờ cao điểm)*
Giá nước	*10.476,19 đ/m³ (tương đương 0,43 USD/m³) - Thanh toán theo tháng.*
Phí xử lý nước thải	*9.000 đồng/m³ (tương đương 0,37 USD/m³) - Thanh toán hàng tháng. Khối lượng được xác định bằng 80% nước đầu vào.*
Chi phí điện thoại, Internet, dịch vụ khác	*Theo quy định của các đơn vị cung cấp tại thời điểm sử dụng.*

CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ

Mức lương	*Mức lương tối thiểu vùng: 3.860.000 VNĐ (tương đương 150 USD/ người/tháng)* ***Mức lương phổ biến hiện tại:*** *1. Công nhân: 5.000.000- 7.500.000 VNĐ/tháng (tương đương: 205- 309 USD/người/tháng).* *2. Nhân viên văn phòng, Kỹ thuật viên/ Kỹ sư: 7.500.000 – 8.500.000 VNĐ/tháng (tương đương 308,6– 349,8 USD/tháng).* *3. Trưởng phòng, Kế toán, Quản đốc: 8.500.000 - 15.000.000 VNĐ/tháng (tương đương 350 – 617 USD/tháng).*
Bảo hiểm	*Tổng bảo hiểm xã hội phải nộp: 32%, cụ thể:* *- Bảo hiểm xã hội: 25,5%* *- Bảo hiểm y tế: 4,5%* *- Bảo hiểm thất nghiệp: 2%* *Các doanh nghiệp phải nộp 21,5% tổng số tiền lương cơ bản cho người lao động (17,5% cho Bảo hiểm xã hội, 3% cho Bảo hiểm y tế và 1% cho Bảo hiểm thất nghiệp).* *Người lao động nộp 10,5% (8% cho Bảo hiểm xã hội, 1,5% cho Bảo hiểm y tế và 1% cho Bảo hiểm thất nghiệp).*

THÔNG TIN LIÊN HỆ

CỤM CÔNG NGHIỆP BÃI BA – ĐÔNG THÀNH

Địa chỉ: *Xã Chí Tiên & Xã Đông Thành, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*

Website: *www.cumcongnghiepbaiba.vn*